

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN NHỆ

NẠN NHÂN CỦA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ
TỘI PHẠM HỌC VÀ PHÒNG NGỪA TỘI PHẠM

HÀ NỘI, năm 2018

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN VĂN NHỆ

**NẠN NHÂN CỦA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số: 8 38.01.05

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
TS. LÊ NGUYỄN THANH

HÀ NỘI, năm 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, với sự hỗ trợ hướng dẫn khoa học từ TS. Lê Nguyên Thanh các nội dung nghiên cứu và kết quả trong đề tài này là trung thực và chưa được ai công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào trước đây. Những số liệu trong các bảng biểu phục vụ cho việc phân tích, nhận xét đánh giá được chính tác giả thu thập từ các nguồn khác nhau có ghi trong phần tài liệu tham khảo. Nếu phát hiện có bất kỳ sự gian lận nào tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Hội đồng về kết quả luận văn của mình./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2018

Tác giả

Nguyễn Văn Nhẹ

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NẠN NHÂN VÀ TÌNH HÌNH NẠN NHÂN TRONG CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	9
1.1. Khái niệm nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu.....	9
1.2. Phân loại nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu.....	14
1.3. Vai trò nạn nhân của tội phạm đối với thực trạng tội phạm ản	19
1.4. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nạn nhân của tội phạm	21
Chương 2: TÌNH HÌNH NẠN NHÂN CỦA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	26
2.1. Thực trạng nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.....	26
2.2. Các nguyên nhân và điều kiện trở thành nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu	32
2.3. Mối quan hệ giữa nạn nhân với người phạm tội trong các tội xâm phạm sở hữu	48
Chương 3: HOẠT ĐỘNG PHÒNG NGỪA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ GÓC ĐỘ NẠN NHÂN CỦA TỘI PHẠM	53
3.1. Nhận thức về phòng ngừa tội phạm từ phía nạn nhân	53
3.2. Tăng cường vai trò của chủ thể trong hoạt động phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu	55
3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa nguy cơ trở thành nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu	63
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

ANTQ	:An ninh Tổ quốc
BLTTHS	:Bộ luật Tố tụng hình sự
CSND	:Cảnh sát nhân dân
CAND	:Công an nhân dân
HKTT	:Hộ khẩu thường trú
TTATXH	:Trật tự an toàn xã hội
XPSH	:Xâm phạm sở hữu

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

1. **Bảng 2.1.** *Thống kê tình hình tội phạm xâm phạm trật tự xã hội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 - 2017, Công an thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo tổng kết năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017.*
2. **Bảng 2.2.** *Thống kê tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 - 2017, Công an thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo tổng kết năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017.*
3. **Bảng 2.3.** *Cơ cấu của từng loại tội XPSH trong mối quan hệ với các tội XPSH trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 - 2017, Công an thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo tổng kết năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017.*
4. **Bảng 2.4.** *Thống kê về giới tính, thành phần xã hội, độ tuổi của các tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 - 2017, Công an thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo tổng kết năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017 (100 hồ sơ vụ án).*
5. **Bảng 2.5.** *Thống kê về thành phần tài sản bị chiếm đoạt trong các vụ xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 - 2017, Công an thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo tổng kết năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017.*
6. **Bảng 2.6.** *Bảng so sánh mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội của một số tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 – 2017, Công an thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo tổng kết năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017 (500 hồ sơ vụ án).*
7. **Bảng 2.7.** *Thống kê nguyên nhân xuất phát từ phía nạn nhân trong các vụ án xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 - 2017, Công an thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo tổng kết năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017 (100 hồ sơ vụ án).*

8. **Bảng 2.8.** *Thống kê đặc điểm thể chất, tinh thần của nạn nhân của các tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 – 2017, Công an thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo tổng kết năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017 (100 hồ sơ vụ án).*

9. **Bảng 2.9.** *Thống kê đặc điểm tâm lý của nạn nhân trong các tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 - 2017, Công an thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo tổng kết năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017 (100 hồ sơ vụ án).*

10. **Bảng 2.10.** *Thống kê các khía cạnh nạn nhân là tổ chức trong các tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 - 2017, Công an thành phố Hồ Chí Minh, Báo cáo tổng kết năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017 (50 hồ sơ vụ án).*

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa và giáo dục quan trọng nhất của cả nước. Nằm trong vùng chuyển tiếp giữa miền Đông Nam Bộ và Tây Nam Bộ, bao gồm 19 quận và 05 huyện, tổng diện tích 2.095,06 km²; dân số nếu tính những người cư trú không đăng ký thì dân số thực tế năm 2017 là khoảng 14 triệu người. Giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh chiếm 21,3% tổng sản phẩm (GDP) và 29,38% tổng thu ngân sách của cả nước. Trong quá trình phát triển và hội nhập, Thành phố Hồ Chí Minh luôn khẳng định vai trò là một trung tâm kinh tế, tài chính, thương mại, dịch vụ của cả nước; là hạt nhân của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, một trong ba vùng kinh tế trọng điểm lớn nhất nước và cũng là vùng động lực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn Nam Bộ và cả nước theo chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Bên cạnh sự phát triển mạnh mẽ trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội thì tệ nạn xã hội, tình hình tội phạm cũng không ngừng gia tăng và diễn biến phức tạp. Sự phát triển ngày càng tinh vi của các loại tội phạm không chỉ là một hiện tượng xã hội phức tạp, là nỗi ám ảnh của hầu hết người dân bản địa, người dân đang sinh sống, làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh mà còn gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho đa số du khách trong nước và nước ngoài khi đến với thành phố mang tên Bác, bởi ai cũng có thể trở thành nạn nhân của các loại tội phạm này, đặc biệt nhất trong các loại tội phạm đó là tội phạm xâm phạm các tội về sở hữu. Cùng với quá trình đô thị hóa thì sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt, nhiều vấn đề xã hội nảy sinh, vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động, chế độ chính sách xã hội còn nhiều bất cập và nan giải. Đặc biệt là công tác quản lý đối tượng hình sự, đối tượng lưu manh chuyên nghiệp trên địa bàn, công tác quản lý người di cư từ các tỉnh lẻ lên

thành phố lớn, người không có việc làm ở địa phương đang là vấn đề đặt ra cho các ngành, các cấp chính quyền thành phố.

Trong những năm trở lại đây, với sự nỗ lực không ngừng của các ngành, các cấp, chính quyền, các đoàn thể và nhân dân trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn đã góp phần không nhỏ vào việc kéo giảm các loại tội phạm này. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định làm cho công tác phòng ngừa tội phạm này trên thực tế vẫn chưa đạt được hiệu quả cao. Có thể kể đến hai hạn chế có sự ảnh hưởng mang tính quyết định đến hiệu quả của công tác phòng ngừa nhóm loại tội phạm này, đó là:

- Hoạt động của các cơ quan pháp luật vẫn chưa mang tính ổn định, toàn diện từ nhiều khía cạnh, chủ yếu là những nỗ lực trong các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ từ phía các cơ quan bảo vệ pháp luật trong việc thực hiện các biện pháp phòng chống tội phạm.

- Các biện pháp trên cũng chủ yếu tập trung vào đối tượng là người phạm tội, mà chưa có sự quan tâm và tập trung đúng mức đến việc nghiên cứu đề ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu tiếp cận từ góc độ nạn nhân của tội phạm.

Nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu có vai trò rất quan trọng trong cơ chế tâm lý xã hội của hành vi phạm tội và trong việc nâng cao hiệu quả việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội phạm. Những nghiên cứu về nạn nhân của tội phạm nói chung và nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu nói riêng có ý nghĩa rất quan trọng, không chỉ giúp cho việc nhận thức đúng đắn về vai trò của nạn nhân trong cơ chế hành vi phạm tội mà còn góp phần tăng cường sự hợp tác của nạn nhân với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, nhưng quan trọng hơn nữa là trong quá trình thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội phạm.

Với hy vọng đóng góp một số ý kiến, kiến nghị nhằm nâng cao hơn nữa nhận thức về tầm quan trọng của việc nghiên cứu nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu và cũng như góp phần nâng cao hiệu quả các biện pháp phòng ngừa loại tội phạm này trên thực tế nên tác giả đã chọn đề tài ***“Nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”*** làm đề tài nghiên cứu của mình.

2. Tình hình nghiên cứu của đề tài

Nạn nhân của tội phạm đã từ lâu được biết đến và nghiên cứu trong lịch sử chuyên ngành tội phạm học. Ở Việt Nam chúng ta, nghiên cứu nạn nhân của tội phạm chỉ mới được quan tâm trong những năm gần đây. Từ năm 2000 trở về trước hầu như chưa có công trình nghiên cứu nào tập trung nghiên cứu chuyên sâu về nạn nhân của tội phạm. Mãi đến năm 2000, trong đề tài luận văn Thạc sĩ luật học có tên *“Nạn nhân học trong tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”* của tác giả Trần Hữu Tráng được xem là công trình khoa học đầu tiên ở Việt Nam trong lĩnh vực này. Trong tác phẩm của mình tác giả đã nhận xét *“Ở Việt Nam đã có một số sách nghiên cứu về nạn nhân. Tuy nhiên những tác phẩm này chỉ mới đề cập nạn nhân dưới góc độ là hậu quả của tội phạm hoặc là đối tượng tác động của tội phạm để qua đó xác định có hay không có dấu hiệu tội phạm. Hiện chưa có công trình nào nghiên cứu một cách có hệ thống và toàn diện về nạn nhân của tội phạm”*. Sau đó đến năm 2001, tác phẩm *“Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm”* của giáo sư tiến sĩ Nguyễn Xuân Yêm cũng có đề cập đến nạn nhân học mà chủ yếu là giới thiệu về nạn nhân dưới góc độ lịch sử, nhất là lịch sử và thành tựu của nạn nhân học Nhật Bản. Từ đó lĩnh vực nghiên cứu mới mẻ này đã được các nhà luật học Việt Nam quan tâm nghiên cứu nhiều hơn. Cụ thể đến năm 2002, có đến hai công trình nghiên cứu nạn nhân của tội phạm, đó là luận văn Thạc sĩ luật học của Lê Nguyên Thanh về *“Khía cạnh nạn*

nhân của tội phạm và vấn đề phòng ngừa tội phạm” và luận văn Thạc sĩ luật học của Trần Thanh Phong về *“Nạn nhân của tội phạm trong luật hình sự Việt Nam”* (Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh) đã tiếp tục khơi dậy bước phát triển của nạn nhân học ở nước ta.

Bên cạnh đó, chúng ta cần phải kể đến các bài báo trong các tạp chí chuyên ngành, các công trình nghiên cứu của sinh viên luật về nạn nhân của tội phạm dưới góc độ khía cạnh nạn nhân trong nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể. Chẳng hạn như: Khóa luận tốt nghiệp cử nhân luật năm 2004 của tác giả Nguyễn Thị Minh Nguyệt bàn về *“Khía cạnh nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu và vấn đề phòng ngừa tội phạm”*, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân luật năm 2005 của tác giả Nguyễn Thái Hiền bàn về *“Vấn đề nghiên cứu nạn nhân của tội phạm trong tội phạm học Việt Nam”*, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân luật năm 2011 của tác giả Lê Lý Thùy Trinh bàn về *“Khía cạnh nạn nhân của tội mua bán phụ nữ và trẻ em ở Việt Nam”*, Khóa luận tốt nghiệp cử nhân luật năm 2012 của tác giả Triệu Thị Phương Vân bàn về *“Khía cạnh nạn nhân của tội phạm trộm cắp tài sản và vấn đề phòng ngừa tội phạm”* (Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh). Các bài viết, công trình nghiên cứu này chủ yếu đi sâu vào phân tích đặc điểm tâm lý của nạn nhân, đặc điểm nhân thân của nạn nhân, hành vi xử sự của nạn nhân trong cơ chế tâm lý xã hội ảnh hưởng của nó đối với tình hình tội phạm ẩn, từ đó bước đầu xây dựng và đưa ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm từ phía nạn nhân.

Để cho ngành tội phạm học Việt Nam có sự phát triển vượt bậc như hiện nay, chúng ta không thể kể đến các công trình nghiên cứu chuyên sâu của một số tác giả với cách tiếp cận toàn diện và có hệ thống đã xuất bản thành những sách chuyên khảo lưu hành nội bộ phục vụ cho quá trình học tập và nghiên cứu của sinh viên trong các trường Đại học Luật, An ninh, Cảnh sát,... đặc biệt là các học giả, các nhà nghiên cứu, các nhà làm luật có thể

tham khảo và phát triển ngành học này ngày một hoàn thiện hơn trong tương lai. Chúng ta có thể kể đến các tác phẩm tiêu biểu như: Giáo trình “Tội phạm học” (dùng trong các trường Đại học chuyên ngành Luật, An ninh, Công an) của tác giả Dương Tuyết Miên xuất bản năm 2010; Giáo trình “Nạn nhân của tội phạm” (dùng trong các trường Đại học Luật, An ninh, Công an) của tác giả Trần Hữu Tráng xuất bản năm 2011; Giáo trình “Tội phạm học Việt Nam” do (Trung tâm nghiên cứu Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm, Học viện Cảnh sát nhân dân biên soạn) dưới sự chỉ đạo biên soạn của Giáo sư tiến sĩ Trần Đại Quang và tổng chủ biên Giáo sư tiến sĩ Nguyễn Xuân Yêm. Các bài khoa học đăng trên tạp chí: Lê Nguyên Thanh, *Nạn nhân học trong Tội phạm học Việt Nam*, tạp chí Khoa học pháp lý, (6) 2005; Dương Tuyết Miên, *Nạn nhân của tội phạm dưới góc độ của tội phạm học*, tạp chí Tòa án nhân dân, (20) 2005... giúp cho người đọc có cái nhìn sâu sắc và toàn diện về ngành Tội phạm học nói chung và nạn nhân học nói riêng, trong đó có nạn nhân của tội phạm cũng được các tác giả đề cập và phân tích khá kỹ càng với nhiều góc độ khác nhau. Qua đó làm nổi bật được bức tranh của tình hình tội phạm, bước đầu đánh giá được những thiệt hại mà những nạn nhân phải gánh chịu, từ đó chỉ ra được vai trò của nạn nhân quan trọng như thế nào trong cơ chế hành vi của tội phạm mà đề ra các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hữu hiệu nhất.

Tuy nhiên, vấn đề nạn nhân học và nạn nhân của tội phạm vẫn là một đề tài khá mới mẻ trong lĩnh vực tội phạm học ở Việt Nam chưa được nghiên cứu khai thác một cách sâu sắc và triệt để. Việc áp dụng những nghiên cứu về khía cạnh nạn nhân trong thực tiễn phòng ngừa tội phạm vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là việc nghiên cứu về nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu gắn với một địa bàn cụ thể thì chưa có đề tài nghiên cứu nào đề cập đến. Và việc áp dụng những kết quả nghiên cứu đó vào trong hoạt động công tác phòng

ngừa, ngăn chặn loại tội phạm này xuất phát từ phía nạn nhân chưa được quan tâm đúng mức và có hiệu quả.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài

- Mục đích nghiên cứu: Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, luận văn bước đầu xây dựng một số vấn đề lý luận về nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Từ đó đưa ra những giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế và nâng cao hiệu quả của hoạt động phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu từ khía cạnh nạn nhân của tội phạm.

- Nhiệm vụ nghiên cứu: Luận văn chú trọng làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và kiến nghị một số giải pháp nhằm hạn chế nguy cơ trở thành nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu, đồng thời có ý nghĩa phòng ngừa tội phạm từ góc độ nạn nhân.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của luận văn là bản chất, quy luật của nạn nhân trong cơ chế hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu, mối quan hệ giữa tình hình nạn nhân và tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, là giải pháp phòng ngừa tội phạm sở hữu xâm phạm đến nạn nhân.

- Phạm vi nghiên cứu:

+ Về nội dung: Luận văn chỉ tập trung nghiên cứu nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu ở góc độ chuyên ngành tội phạm học và phòng ngừa tội phạm.

+ Về thời gian, không gian: Số liệu thống kê trong 05 năm từ năm 2013 đến năm 2017 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Để phục vụ cho việc nghiên cứu nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, tác giả đã sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, xã hội học, tâm lý học, hệ thống các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và quy định của pháp luật Việt Nam về tội phạm học và phòng ngừa tình hình tội phạm... Các phương pháp và quan điểm trên sẽ làm nền tảng lý luận để nghiên cứu nội dung luận văn một cách khách quan và toàn diện nhất. Bên cạnh đó, luận văn còn được nghiên cứu trên cơ sở tổng thể áp dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp quy nạp và diễn dịch, phương pháp mô tả, phương pháp so sánh, phương pháp lịch sử, phương pháp thống kê, phương pháp hệ thống, phương pháp xã hội học, nghiên cứu hồ sơ vụ án điển hình và các phương pháp chuyên biệt khác của tội phạm học.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

So với các công trình nghiên cứu trước đây về khía cạnh nạn nhân nói chung và nạn nhân của tội phạm nói riêng chỉ tiếp cận đến khía cạnh nạn nhân của tội phạm một cách chung chung mà chưa gắn với một địa bàn nhất định. Luận văn lần đầu tiên đi sâu nghiên cứu và đánh giá về khía cạnh nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, chỉ ra được vai trò của khía cạnh nạn nhân trong cơ chế tâm lý xã hội của hành vi phạm tội. Trên cơ sở đó đề ra các biện pháp phòng ngừa loại tội phạm này một cách hiệu quả nhất mà chủ thể trong công tác phòng ngừa không ai khác chính là nạn nhân của các hành vi phạm tội gây ra một cách trực tiếp.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo thì luận văn gồm có 3 chương:

Chương 1. *Nạn nhân trong các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*

Chương 2. *Tình hình nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*

Chương 3. *Hoạt động phòng ngừa các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ góc độ nạn nhân của tội phạm*

Chương 1

NẠN NHÂN TRONG CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1.1. Khái niệm nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu

Danh từ nạn nhân thường được sử dụng để chỉ những cá nhân, tổ chức bị thiệt hại. Trong Từ điển Tiếng Việt, từ nạn nhân được định nghĩa: “Người bị nạn hoặc người phải chịu hậu quả của một tai họa xã hội hay một chế độ bất công” [69, tr. 656]. Trong Đại từ điển Tiếng Việt, từ nạn nhân được định nghĩa: “1. Người bị tai nạn; 2. Người, tổ chức gánh chịu hậu quả từ bên ngoài đưa đến” [41, tr. 1165]. Theo các định nghĩa trên thì nạn nhân nói chung được hiểu là những cá nhân, tổ chức bị thiệt hại về thể chất, tinh thần hoặc tài sản. Nạn nhân bao gồm rất nhiều loại khác nhau như nạn nhân của chiến tranh, nạn nhân của thiên tai, nạn nhân bị tai nạn lao động, tai nạn giao thông, nạn nhân tự tử và nạn nhân của tội phạm...

So với các nạn nhân của thiên tai, tai nạn, nạn nhân của chiến tranh và nạn nhân của tệ nạn xã hội thì nạn nhân của tội phạm cũng đang ngày càng gia tăng, gây ra những nỗi đau, sự mất mát cho gia đình và xã hội. Vì vậy nghiên cứu nạn nhân của tội phạm để hạn chế nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm là mục tiêu của bất kỳ quốc gia nào trên thế giới.

Nạn nhân nói chung có thể được hiểu trong phạm vi rộng. Trong phạm vi rộng, nạn nhân có thể là cá nhân (hoặc tổ chức) bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra như: nạn nhân của tội giết người, cướp tài sản hoặc do thiên tai gây ra như: nạn nhân của vụ động đất, sóng thần, bão, lốc xoáy hoặc nguyên nhân khác gây ra như nạn nhân của sự kiện bất ngờ... Tuy nhiên, trong phạm vi của bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến nạn nhân của tội phạm. Nói đến nạn nhân của tội phạm cần hiểu rằng, không phải bất kỳ tội phạm nào cũng có nạn nhân. Thực tế cho thấy có những tội có nạn nhân và những tội không có nạn nhân.

Trong văn kiện “Các nguyên tắc về tố tụng và chứng cứ” được áp dụng cho tội phạm quốc tế cũng như hoạt động của Tòa hình sự quốc tế thì khái niệm nạn nhân của tội phạm được hiểu như sau:

“Nạn nhân của tội phạm là những người phải gánh chịu những thiệt hại do tội phạm gây ra. Nạn nhân của tội phạm cũng có thể là đơn vị hoặc tổ chức bị thiệt hại trực tiếp về tài sản mà những tài sản này được sử dụng cho tôn giáo, giáo dục, nghệ thuật, khoa học, hoặc mục đích từ thiện và cho những di tích lịch sử văn hóa, các bệnh viện và những nơi phục vụ cho lợi ích của nhân loại”.

Tuy nhiên, cần nhấn mạnh là khái niệm này chỉ trình bày về nạn nhân của tội phạm trong phạm vi hẹp đó là nạn nhân của tội phạm quốc tế.

Nhà nghiên cứu tội phạm học nổi tiếng Andrew Karmen trong bài viết “Crime Victims: An Introduction to Victimology” (1990), ông đã nêu khái niệm nạn nhân của tội phạm như sau: “Nạn nhân của tội phạm là bất kỳ tổ chức, cá nhân nào hoặc bất kỳ thực thể kinh doanh nào bị thiệt hại hoặc mất mát bởi hành vi phạm tội. Thiệt hại ở đây có thể là thiệt hại về thể chất, tâm lý hoặc kinh tế”.

Như vậy, chúng ta có thể thấy nạn nhân của tội phạm không nên hiểu theo nghĩa hẹp chỉ là cá nhân mà rộng hơn, nạn nhân của tội phạm có thể là tổ chức hoặc bất kỳ thực thể kinh doanh nào. Tuy nhiên, cần hiểu là thực thể kinh doanh có thể là cá nhân hoặc tổ chức theo pháp luật hình sự Việt Nam. Thiệt hại mà nạn nhân phải gánh chịu rất đa dạng, có thể là thiệt hại về thể chất như thiệt hại về tính mạng, sức khỏe; thiệt hại về tâm lý như làm nạn nhân khủng hoảng, lo sợ, bất an về tinh thần; thiệt hại về kinh tế như làm nạn nhân bị mất mát tài sản hoặc bỏ khoản tiền đáng kể để khôi phục sức khỏe. Nếu nạn nhân là tổ chức thì thiệt hại có thể là mất mát về tài sản, uy tín thương hiệu của tổ chức bị tổn hại, việc kinh doanh của tổ chức bị đình đốn... Từ sự phân tích trên, có thể hiểu nạn nhân của tội phạm như sau:

“Nạn nhân của tội phạm là cá nhân, tổ chức bị hành vi phạm tội xâm hại gây ra thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản hoặc một số quyền, lợi ích hợp pháp khác”.

Cần phân biệt thuật ngữ “Nạn nhân của tội phạm” với thuật ngữ “Nạn nhân gián tiếp của tội phạm”. Sở dĩ thuật ngữ “Nạn nhân gián tiếp của tội phạm” ra đời, vì các nhà tội phạm học cho rằng, trong một số trường hợp không chỉ là những cá nhân, tổ chức bị hành vi phạm tội trực tiếp xâm hại mà người khác có mối quan hệ mật thiết với nạn của tội phạm cũng bị hành vi phạm tội tác động đến. Ví dụ: một người mẹ có đứa con trai duy nhất đã bị giết (nạn nhân của tội giết người). Do quá thương con, người mẹ đã bỏ ăn, buồn phiền và sau đó đã bị suy giảm trí lực dẫn đến mất trí nhớ. Như vậy, người mẹ này cũng đã bị ảnh hưởng bởi hành vi phạm tội gây ra. Trường hợp của người mẹ nói trên được các nhà tội phạm học gọi là “nạn nhân gián tiếp của tội phạm”.

Đa số những quan điểm hiện nay của các nhà nghiên cứu Tội phạm học Việt Nam đều thừa nhận theo xu hướng xác định khái niệm nạn nhân của tội phạm theo nghĩa rộng, tức là thừa nhận nạn nhân của tội phạm có thể là cá nhân và cũng có thể là tổ chức.

Vì vậy, khái niệm nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu cũng không nằm ngoài những đặc điểm chung của khái niệm nạn nhân của tội phạm, chúng ta có thể đưa ra khái niệm mang tính cụ thể hơn về *“Nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu là những cá nhân, tổ chức cụ thể bị hành vi phạm tội xâm hại một cách trực tiếp, gây ra những thiệt hại về tài sản, thể chất, tinh thần hoặc các quyền, lợi ích hợp pháp khác”.*

Theo Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) thì các tội xâm phạm sở hữu quy định các loại hành vi khách quan ở các dạng sau đây:

+ Hành vi chiếm đoạt tài sản là người phạm tội cố ý chuyển dịch một cách trái pháp luật tài sản đang thuộc quyền sở hữu của chủ thể khác thành tài sản “của mình”...

+ Hành vi chiếm giữ trái phép tài sản là hành vi cố tình không giao tài sản do ngẫu nhiên mà chiếm hữu được (ví dụ như: nhặt được, được chuyển khoản nhầm,...) sau khi chủ tài sản hay người quản lý hợp pháp tài sản hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

+ Hành vi sử dụng trái phép là vì vụ lợi hoặc vì động cơ cá nhân khác mà khai thác giá trị, giá trị sử dụng các tài sản mà không được phép, không được sự đồng ý của chủ sở hữu hoặc người có chức năng quản lý về nghiệp vụ đối với loại tài sản bị khai thác trái phép đó.

+ Hành vi hủy hoại, làm hư hỏng tài sản là những hành vi được thể hiện thông qua đối tượng tác động làm mất hoàn toàn giá trị, giá trị sử dụng của tài sản (hủy hoại); làm mất giá trị từng phần có thể khôi phục được (làm hư hỏng).

+ Hành vi vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản là thiếu trách nhiệm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản của nhà nước hoặc vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản.

Các hành vi xâm phạm sở hữu có thể được thể hiện bằng hành động hoặc không hành động. Riêng các tội phạm có tính chất chiếm đoạt chỉ có thể được thực hiện bằng hành động. Cách thức và hình thức chiếm đoạt rất đa dạng và được mô tả, khái quát thành những tội danh cụ thể.

Từ các đặc điểm của hành vi khác nhau như trên, có thể phân loại tội xâm phạm sở hữu thành các loại:

- *Nhóm tội phạm có tính chất chiếm đoạt, gồm 8 tội danh:*

+ Tội cướp tài sản (Điều 168);

+ Tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản (Điều 169);

- + Tội cưỡng đoạt tài sản (Điều 170);
- + Tội cướp giật tài sản (Điều 171);
- + Tội công nhiên chiếm đoạt tài sản (Điều 172);
- + Tội trộm cắp tài sản (Điều 173);
- + Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản (Điều 174);
- + Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (Điều 175).
- *Nhóm tội không có tính chất chiếm đoạt, gồm 2 tội danh:*
- + Tội chiếm giữ trái phép tài sản (Điều 176);
- + Tội sử dụng trái phép tài sản (Điều 177).
- *Nhóm tội không có tính vụ lợi, không chiếm đoạt, gồm 3 tội danh:*
- + Tội hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản (Điều 178);
- + Tội thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (Điều 179);
- + Tội vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản (Điều 180).

Có thể hiểu đơn giản các tội phạm xâm phạm sở hữu là những hành vi nguy hiểm cho xã hội, do người đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho quan hệ sở hữu. Việc hiểu và nhận thức đúng về các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của các tội xâm phạm sở hữu và cách phân loại giúp cho việc xác định đúng tội danh, tránh được sự nhầm lẫn giữa các tội danh. Đặc biệt đối với các cơ quan có thẩm quyền trong điều tra chứng minh tội phạm được chính xác, bảo đảm xử lý đúng pháp luật, đúng người, đúng tội.

Cho đến nay, vẫn còn rất nhiều quan điểm khác nhau về khái niệm nạn nhân của tội phạm. Mỗi khái niệm của các học giả đưa ra đều nhằm giải quyết những vấn đề nhất định liên quan đến nạn nhân của tội phạm. Các khái niệm nạn nhân theo nghĩa hẹp nhằm xác định phạm vi những cá nhân bị hành vi

phạm tội trực tiếp gây thiệt hại. Khái niệm nạn nhân theo quan điểm này gắn gũi với cách xác định đối tượng tác động của tội phạm hay người bị hại trong khoa học luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam. Quan điểm xác định nạn nhân theo nghĩa rộng nhằm xác định một phạm vi đầy đủ, toàn diện và triệt để hơn những cá nhân, tổ chức chịu ảnh hưởng tác động của hành vi phạm tội. Từ đó có thể đánh giá một cách toàn diện, đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như làm cơ sở cho việc xây dựng hệ thống biện pháp phòng ngừa nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm cũng như xây dựng và hoàn thiện pháp luật, chính sách về bảo vệ, bồi thường và trợ giúp cho nạn nhân trong quá trình giải quyết vụ án hình sự cũng như góp phần nhanh chóng ổn định cuộc sống của nạn nhân và gia đình họ sau khi bị hành vi phạm tội tác động.

1.2. Phân loại nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu

Căn cứ vào đặc điểm chủ thể các dấu hiệu của nạn nhân thì nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu được chia làm hai loại:

- Nạn nhân của các tội phạm xâm phạm sở hữu là cá nhân

+ Đặc điểm về độ tuổi của nạn nhân: Độ tuổi của nạn nhân có ảnh hưởng nhất định đến việc thúc đẩy tội phạm xâm phạm sở hữu xảy ra trên thực tế. Thông thường thì trẻ em và người lớn tuổi là những nạn nhân mà đối tượng phạm tội thường chú ý đến để xâm hại. Nhiều gia đình có mức sống khá giả thường mua sắm cho con cái những vật dụng hay đồ trang sức có giá trị cao để sử dụng như: điện thoại di động, máy tính xách tay, dây chuyền, bông tai, vòng đeo tay...nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi cũng như động viên, khích lệ tinh thần học tập của con cái ngày càng tốt hơn và sự quản lý chặt chẽ hơn của các bậc làm cha làm mẹ đối với con trẻ trong cuộc sống hiện đại. Chính vì tuổi tác còn nhỏ lại sở hữu nhiều tài sản có giá trị trên người nên các đối tượng này rất dễ trở thành nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu.

Một nhóm nạn nhân khác cũng có đặc điểm về độ tuổi dễ trở thành nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu là những người lớn tuổi. Đặc điểm của những người này là tuổi cao, sức khỏe yếu đi, phản ứng chậm chạp, mất mề, khả năng tự vệ kém nên dễ trở thành nạn nhân của các tội trộm cắp tài sản, cướp tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản...

+ Đặc điểm tâm lý của nạn nhân: Các nạn nhân của loại tội phạm này thường có tâm lý chủ quan, thiếu cảnh giác, háms lợi, quá tự tin, thiếu cẩn thận trong việc cất giữ, bảo vệ tài sản, phô trương tài sản, quá dễ dãi, quá tin tưởng vào người khác... Bên cạnh đó thì tâm lý không tó giác tội phạm của nạn nhân cũng là một khía cạnh nạn nhân có vai trò tạo ra các điều kiện khách quan thuận lợi cho tội phạm xâm phạm sở hữu xảy ra trên thực tế. Nạn nhân không tó giác tội phạm đến cơ quan có thẩm quyền gây khó khăn cho công tác điều tra, phát hiện và xử lý người phạm tội, từ đó người phạm tội có tâm lý xem thường pháp luật, tiếp tục hình thành ý định phạm tội đối với những nạn nhân tiếp theo.

+ Đặc điểm về giới tính của nạn nhân: Thường không có ảnh hưởng sâu sắc trong vai trò tác động của nạn nhân đến cơ chế tâm lý xã hội của hành vi tội phạm xâm phạm sở hữu. Yếu tố này chỉ có vai trò trong một số trường hợp mà người phạm tội luôn hướng đến nạn nhân là nữ giới thì mức độ cảnh giác trong việc bảo quản tài sản thấp, khả năng tự vệ yếu, dễ dãi, nhẹ dạ, cả tin vào người khác... giúp cho việc thực hiện tội phạm xâm phạm sở hữu của người phạm tội được dễ dàng và nhanh chóng.

+ Đặc điểm về tình trạng tài sản của nạn nhân: Kể cả cá nhân và tổ chức nếu có nhiều tài sản hoặc những tài sản có giá trị sẽ dễ trở thành đối tượng mà người phạm tội hướng đến. Qua điều tra xã hội học về tội phạm cho thấy, những gia đình có thu nhập cao, cá nhân có sự nổi tiếng trong hoạt động kinh doanh, nổi tiếng trong làng giải trí và sinh sống trong những ngôi nhà

biệt thự cao cấp, sở hữu những phương tiện đi lại và đồ trang sức có giá trị cao thường có nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu cao hơn nạn nhân là những người có thu nhập trung bình và điều kiện kinh tế ở mức tương đối ổn định. Thông thường những người có điều kiện kinh tế cao, có sự nổi tiếng nhất định bị các loại tội phạm xâm phạm sở hữu tác động gây thiệt hại như: tội phạm cướp tài sản, cướp giết tài sản, trộm cắp tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản...

+ Đặc điểm về nghề nghiệp của nạn nhân: Những người làm việc trong các lĩnh vực ngành nghề nhạy cảm do đặc thù kinh doanh dễ trở thành nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu như: chủ tiệm vàng, đồ trang sức, giám đốc doanh nghiệp, giám đốc ngân hàng, chủ cửa hàng xe gắn máy, cửa hàng điện tử, cửa hàng vật liệu xây dựng, cửa hàng may mặc... lợi dụng tính chất nghề nghiệp của những người này thường chiều theo ý của khách hàng và bắt buộc phải phô bày sản phẩm để kinh doanh, vì vậy người phạm tội thường lợi dụng sơ hở để thực hiện tội phạm.

+ Đặc điểm hành vi, xử sự của nạn nhân: Thông thường hành vi của những người trở thành nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu là hành vi chủ quan, cầu thả, vô ý, thiếu cảnh giác, quá tự tin, dễ dãi đối với sự an toàn của tài sản. Hành vi cầu thả, thiếu cảnh giác được hiểu là những xử sự của nạn nhân vi phạm các quy tắc an toàn cuộc sống mà chính họ cũng không nhận thức hết tính nguy hiểm của hành vi hoặc nhận thức được nhưng cho rằng điều đó sẽ không xảy ra đối với mình, vì vậy đã tạo điều kiện thuận lợi cho tội phạm xâm phạm sở hữu xảy ra trên thực tế. Ví dụ: Hành vi để xe gắn máy ở ngoài đường, ở nơi công cộng, không người trông coi; không khóa cổ xe; không khóa cửa nhà cẩn thận; không cất giấu những tài sản có giá trị ở những nơi an toàn; phô trương tài sản ở những nơi công cộng... Những hành vi này bản thân nó làm hạn chế sự chú ý, sự tập trung của nạn nhân, làm yếu đi sự

kiểm soát từ bên trong dẫn đến việc họ dễ dàng bị xâm hại bởi các hành vi phạm tội.

+ Đặc điểm mối quan hệ giữa nạn nhân với người phạm tội: Thực tiễn các vụ phạm tội xâm phạm sở hữu cho thấy rằng, giữa nạn nhân và người phạm tội có thể tồn tại mối quan hệ nào đó hoặc không. Nhưng đa số các trường hợp thì giữa nạn nhân và người phạm tội thường có mối quan hệ quen biết nhau từ trước. Bởi vì, thông qua mối quan hệ quen biết, người phạm tội có được sự hiểu biết về nạn nhân, nắm bắt được những thông tin chính xác về nạn nhân như: thói quen, tính cách, nghề nghiệp, hoàn cảnh kinh tế gia đình, lịch trình sinh hoạt của nạn nhân, tài sản của nạn nhân, giá trị tài sản, nơi cất giấu, phương thức bảo quản tài sản... những thông tin trên đóng vai trò đặc biệt quan trọng giúp cho người phạm tội lựa chọn thời gian, địa điểm, phương thức thực hiện, chuẩn bị công cụ, phương tiện cần thiết để thực hiện hành vi, nó tạo ra điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi cho người phạm tội trong quá trình thực hiện tội phạm. Mối quan hệ quen biết thường biểu hiện dưới nhiều góc độ như hàng xóm, người thân thuộc trong gia đình, quan hệ bạn bè, đồng nghiệp, quan hệ kinh doanh, quan hệ giữa chủ và người làm công, quan hệ giữa tổ chức và nhân viên... Ví dụ: Người hàng xóm biết được gia đình kế bên đi về quê dự đám cưới người thân trong gia đình họ hàng nhiều ngày không về và đóng cửa nhà không có người trông coi. Qua tìm hiểu biết được, gia đình có một số tiền tiết kiệm cất giấu trong tủ sắt, lợi dụng lúc nửa đêm người hàng xóm cắt khóa cửa đột nhập vào trong nhà cạy tủ lấy đi toàn bộ số tiền tiết kiệm của gia đình và một số tài sản có giá trị khác.

- Nạn nhân của các tội phạm xâm phạm sở hữu là tổ chức

+ Năng lực yếu kém của những người hoạt động trong tổ chức như lực lượng bảo vệ, quản lý nhân sự, kế toán, thủ kho, thủ quỹ... thiếu cảnh giác hoặc quá tự tin vào việc bảo quản tài sản của tổ chức và không đề ra được các

biện pháp hợp lý, hiệu quả để quản lý tài sản và quản lý con người trong tổ chức đó. Chính sự sơ hở và thiếu trách nhiệm của những người này trong công tác quản lý, bảo vệ tài sản đã tạo điều kiện thuận lợi làm phát sinh các tội phạm xâm phạm sở hữu đối với tổ chức. Ví dụ: Nếu lực lượng bảo vệ có nghiệp vụ và năng lực yếu kém, cộng với việc không kịp thời nắm bắt các phương thức thủ đoạn mới của đối tượng phạm tội để đề ra các biện pháp phòng ngừa phù hợp thì tổ chức đó dễ trở thành nạn nhân của tội phạm.

+ Sự lỏng lẻo trong công tác quản lý con người của tổ chức trong quá trình hoạt động ngay từ khâu tuyển dụng cán bộ, nhân viên đến khâu quản lý việc ra vào cơ quan, đơn vị nếu không xem xét, giám sát chặt chẽ rất dễ xảy ra tình trạng kẻ gian giả mạo hồ sơ, giấy tờ để vào trong cơ quan, tổ chức nhằm thực hiện hành vi phạm tội.

+ Đặc điểm về tài sản của tổ chức thường là tài sản có giá trị lớn, có số lượng nhiều, tài sản bố trí ở nhiều địa điểm khác nhau trong khi lực lượng bảo vệ, bộ phận quản lý các loại tài sản này còn rất hạn chế nên công tác bảo vệ tài sản của tổ chức gặp rất nhiều khó khăn tạo điều kiện cho tội phạm xâm phạm sở hữu xảy ra.

+ Đặc điểm về địa điểm của tổ chức: Việc tổ chức đặt trụ sở hoạt động ở những địa điểm nào, khu vực nào có ý nghĩa rất quan trọng công tác phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu. Thường thì địa điểm làm việc gắn liền với số lượng tài sản mà tổ chức đó đang sở hữu và quản lý. Nếu do tính chất công việc đặc thù trong hoạt động sản xuất, kinh doanh mà trụ sở làm việc của tổ chức đó không đặt ở địa bàn có nhiều dân cư sinh sống thì tổ chức đó phải lường trước được khả năng bị các loại tội phạm xâm phạm sở hữu gây thiệt hại là vô cùng lớn. Ví dụ: Nơi làm việc của tổ chức đặt ở những địa bàn hẻo lánh, ít người qua lại, tách biệt với khu vực đông dân cư sinh sống thì khả năng tổ chức đó trở thành nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu cao hơn

những tổ chức có nơi làm việc đặt ở trong hoặc gần khu vực đông dân cư, điển hình là tội trộm cắp tài sản, công nhiên chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản...

+ Đặc điểm nghề nghiệp của tổ chức: Ngành nghề sản xuất kinh doanh của tổ chức cũng là nguyên nhân làm phát sinh tội phạm xâm phạm sở hữu. Ví dụ: Tổ chức doanh nghiệp kinh doanh các ngành nghề có liên quan đến tài sản có giá trị cao như kinh doanh vàng bạc, đá quý, đồ trang sức, ngân hàng, siêu thị, cửa hàng điện tử, thời trang, may mặc, vật liệu xây dựng... với quy mô lớn và số lượng nhiều nên rất khó kiểm soát, bảo quản. Đặc điểm khi kinh doanh mua bán những loại tài sản này phải được trưng bày ra trước khách hàng hoặc nhân viên quản lý, vì vậy mà dễ tạo điều kiện cho các tội phạm thực hiện hành vi cướp tài sản, cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản, công nhiên chiếm đoạt tài sản...

Như vậy, mỗi đặc điểm nạn nhân có những vai trò nhất định trong việc tạo ra các tình huống, hoàn cảnh thuận lợi cho việc thực hiện tội phạm. Tùy vào từng tiêu chí cụ thể mà ta có thể có nhiều cách phân loại nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu, từ đó có những hiểu biết sâu sắc và toàn diện về nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu cũng như vai trò của nó trong việc thúc đẩy và làm phát sinh tội phạm.

1.3. Vai trò nạn nhân của tội phạm đối với thực trạng tội phạm ẩn

Theo tác giả Dương Tuyết Miên cho rằng, để phản ánh chính xác thực trạng tội phạm xảy ra trong xã hội đòi hỏi người làm công tác thống kê tội phạm ngoài việc thống kê con số tội phạm rõ phải biết dự đoán và thống kê thêm phần tội phạm ẩn. Tội phạm ẩn là toàn bộ các tội phạm và số lượng người đã thực hiện các tội phạm đó nhưng chưa bị phát hiện, chưa bị xử lý về hình sự và chưa có trong thống kê hình sự.

Tác giả Phạm Văn Tỉnh cũng đưa ra khái niệm về tội phạm ẩn như sau: “Tội phạm ẩn là số lượng tội phạm đã thực hiện trên thực tế nhưng không được tường thuật với cơ quan cảnh sát hoặc chưa bị phát hiện bởi cơ quan có thẩm quyền và do vậy chưa bị đưa ra xét xử, chưa có trong thống kê hình sự chính thức”. Hay nói một cách khác là tội phạm ẩn là toàn bộ các tội phạm và số lượng người đã thực hiện các tội phạm đó nhưng chưa bị phát hiện, chưa bị xử lý về hình sự và chưa có trong thống kê hình sự.

Cũng theo tác giả Dương Tuyết Miên, vai trò của nạn nhân của tội phạm đối với thực trạng tội phạm ẩn thể hiện ở chỗ nó là một trong những nguyên nhân có thể làm tăng lên hoặc giảm đi tỷ lệ tội phạm ẩn trên thực tế. Nếu sau khi tội phạm xảy ra, nạn nhân của tội phạm thông báo kịp thời về vụ phạm tội cũng như người phạm tội, hợp tác tích cực với cơ quan có thẩm quyền thì sẽ giúp ích rất nhiều cho việc thống kê tội phạm cũng như là cơ sở để điều tra, phát hiện và xử lý tội phạm. Điều này sẽ góp phần làm giảm tỷ lệ tội phạm ẩn trên thực tế, đồng thời có thể hạn chế được số người phạm tội trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật. Tuy nhiên, trên thực tế khi vụ án xảy ra nhiều nạn nhân của tội phạm không tố giác về vụ phạm tội cũng như người phạm tội cho cơ quan có thẩm quyền biết nhất là các tội như: cưỡng đoạt tài sản, bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản... Điều này có thể làm gia tăng tỷ lệ tội phạm ẩn trên thực tế, đồng nghĩa với việc có một số lượng lớn đối tượng phạm tội thoát được sự trừng phạt của pháp luật.

Nguyên nhân dẫn đến nạn nhân của tội phạm không tố giác về vụ phạm tội cũng như người phạm tội cho cơ quan có thẩm quyền biết có thể thuộc một trong các lý do sau: Nạn nhân không tin tưởng vào cơ quan bảo vệ pháp luật có thể tìm ra thủ phạm hay xử lý nghiêm minh người phạm tội hoặc họ không thích tiếp xúc với cơ quan bảo vệ pháp luật; nạn nhân chưa bị thiệt hại về tài sản hoặc thiệt hại khác; nạn nhân sợ việc tố cáo tội phạm sẽ gây bất lợi đến

hạnh phúc gia đình, cuộc sống riêng tư hoặc hoạt động kinh doanh của mình; nạn nhân sợ bị trả thù do bị bọn tội phạm đe dọa, khống chế; nạn nhân cho rằng tự mình giải quyết được mà không cần phải báo cho cơ quan bảo vệ pháp luật biết; nạn nhân có quan hệ lệ thuộc nhất định đối với người phạm tội nên không dám tố cáo như quan hệ hôn nhân, gia đình, cấp trên, cấp dưới, tín ngưỡng; do vụ phạm tội diễn ra quá nhanh, nạn nhân không kịp phản ứng cũng như nhận biết về người phạm tội nên không tố giác về vụ phạm tội; do người phạm tội hoặc gia đình người phạm tội đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại và khắc phục hậu quả nên nạn nhân không tố giác vụ phạm tội cũng như người phạm tội...

Do đó, để nâng cao hiệu quả của hoạt động phòng, chống tội phạm đảm bảo mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật thì việc tuyên truyền, giáo dục, động viên quần chúng nhân dân tích cực tố giác tội phạm, nâng cao ý thức pháp luật là vấn đề quan trọng. Một trong những yếu tố quyết định để quần chúng tích cực tố giác tội phạm, hạn chế tỷ lệ tội phạm ẩn là các cơ quan bảo vệ pháp luật phải nâng cao tinh thần trách nhiệm, hoạt động thực sự hiệu quả, khắc phục thái độ thờ ơ, dửng dưng hoặc đùn đẩy trách nhiệm khi nhận được tin báo của nhân dân trong đó có tin tố giác của nạn nhân của tội phạm. Chỉ trên cơ sở gây được lòng tin đối với quần chúng nhân dân thì những nạn nhân của tội phạm mới dũng cảm đứng ra tố giác tội phạm, hạn chế tới mức thấp nhất tỷ lệ tội phạm ẩn trên thực tế.

1.4. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nạn nhân của tội phạm

Nghiên cứu nạn nhân của tội phạm có ý nghĩa lý luận và thực tiễn vô cùng quan trọng trong việc xây dựng và thực thi các chính sách hình sự cũng như trong kiểm soát tội phạm. Một cơ chế thực hiện hành vi phạm tội đầy đủ và toàn diện (đối với các tội phạm có nạn nhân) là sự tác động qua lại giữa

người thực hiện hành vi phạm tội và nạn nhân của tội phạm. Hành vi phạm tội gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tinh thần, tài sản hoặc các quyền và lợi ích hợp pháp khác của nạn nhân. Ngược lại, nạn nhân trong nhiều trường hợp cũng có vai trò rất quan trọng trong việc hình thành ý định phạm tội cũng như thúc đẩy việc thực hiện hành vi phạm tội. Nạn nhân có thể làm hạn chế hoặc triệt tiêu ý định phạm tội hay có thể củng cố thêm ý định phạm tội. Nạn nhân có thể ngăn ngừa việc biến ý định thành hành vi phạm tội hoặc cũng có thể thúc đẩy chủ thể thực hiện hành vi phạm tội đến cùng. Nạn nhân có thể hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, nhưng cũng có thể làm tăng mức độ xâm hại cũng như mức độ nghiêm trọng về hậu quả của hành vi phạm tội. Mặt khác, là người liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội, nạn nhân là mắt xích quan trọng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử người phạm tội nhanh chóng, thuận lợi, chính xác. Nghiên cứu về nạn nhân có ý nghĩa quan trọng trong quá trình định tội danh, định khung hình phạt, trong việc quyết định hình phạt cũng như trong việc xác định các phương pháp, biện pháp giáo dục cải tạo người phạm tội. Nghiên cứu về nạn nhân của tội phạm còn giúp cho việc xây dựng hệ thống biện pháp phòng ngừa rủi ro, phòng ngừa nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm.

Vì vậy, nạn nhân giữ một vai trò đặc biệt quan trọng trong nghiên cứu tội phạm và được nhiều lĩnh vực khoa học nghiên cứu như: Khoa học Luật hình sự, khoa học Luật tố tụng hình sự, khoa học Điều tra hình sự, tội phạm học, tâm lý học, xã hội học...

Ngày nay nạn nhân học đã trở thành một bộ môn khoa học nghiên cứu quá trình nạn nhân hóa bao gồm: các nhân tố có tác động đến quá trình nạn nhân hóa, mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội cũng như các học thuyết về vai trò của nạn nhân trong cơ chế thực hiện hành vi phạm tội.

1.4.1. Nghiên cứu nạn nhân của tội phạm giúp ngăn ngừa rủi ro và hạn chế các nguyên nhân trở thành nạn nhân của tội phạm

Tội phạm học nghiên cứu nạn nhân của tội phạm sẽ giúp cho việc tìm hiểu, đánh giá các nguyên nhân từ phía nạn nhân làm phát sinh hành vi phạm tội. Trong các tội phạm có nạn nhân, rất nhiều nạn nhân giữ vai trò quan trọng trong cơ chế hành vi phạm tội. Trước hết, những hành vi xử sự có lỗi của nạn nhân như mất cảnh giác, hành vi vi phạm đạo đức, thuần phong, mỹ tục... hành vi gây gổ, vi phạm pháp luật hay hành vi phạm tội là những nguyên nhân tác động làm phát sinh hành vi phạm tội. Ngay cả những trường hợp nạn nhân hoàn toàn không có lỗi nhưng vì nạn nhân đặt trong những điều kiện, hoàn cảnh nhất định nên dễ trở thành nạn nhân của tội phạm. Ví dụ: Nạn nhân làm những công việc có nguy cơ cao bị hành vi phạm tội xâm hại như lái xe ô tô, lái xe taxi, nghề kinh doanh vàng bạc... thậm chí nạn nhân sinh sống, cư trú ở những nơi địa hình hoang vắng hay họ thuộc các gia đình giàu có... cũng là những yếu tố dễ kích thích làm hình thành các ý định phạm tội và thúc đẩy việc thực hiện hành vi phạm tội. Đánh giá một cách toàn diện các yếu tố có vai trò quan trọng từ phía nạn nhân trong việc thúc đẩy làm hình thành ý định phạm tội cũng như thúc đẩy việc thực hiện hành vi phạm tội, cũng như tìm hiểu đặc trưng của nhóm người có nguy cơ cao trở thành nạn nhân của tội phạm sẽ có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng những định hướng cũng như các biện pháp ngăn ngừa những rủi ro cũng như hạn chế các nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm, đảm bảo an toàn cho tính mạng, sức khỏe, tinh thần, tình cảm, tài sản cũng như các lợi ích hợp pháp khác của cá nhân, tổ chức trong xã hội.

1.4.2. Nghiên cứu nạn nhân của tội phạm giúp cho việc xây dựng và thực hiện tốt các chính sách hình sự, chính sách xã hội

Là những người bị hành vi phạm tội tác động, gây thiệt hại hơn ai hết nạn nhân có vai trò vô cùng quan trọng trong việc xác định chủ thể tội phạm

cũng như các tình tiết, diễn biến của vụ việc phạm tội. Chính vì vậy, sự tích cực hợp tác của nạn nhân sẽ giúp cho quá trình điều tra, truy tố và xét xử người phạm tội được nhanh chóng, thuận lợi và chính xác. Mặt khác, là những người phải chịu những hậu quả thiệt hại vô cùng nặng nề do hành vi phạm tội gây ra, vì vậy nạn nhân và gia đình họ rất cần sự trợ giúp của Nhà nước và xã hội cũng như những khoản bồi thường của người phạm tội để họ có thể ổn định cuộc sống sau khi bị hành vi phạm tội xâm hại. Nghiên cứu về nạn nhân của tội phạm, vì vậy sẽ giúp cho việc hoàn thiện các văn bản pháp luật cũng như các chính sách hình sự, chính sách xã hội để tăng cường bảo vệ cũng như trợ giúp nạn nhân của tội phạm và gia đình họ nhằm đảm bảo sự hợp tác tích cực của họ với cơ quan tư pháp hình sự cũng như trợ giúp cho họ sớm ổn định cuộc sống. Là những người bị hành vi phạm tội xâm phạm gây thiệt hại rất nhiều nạn nhân của tội phạm phải chịu những thiệt hại rất nặng nề. Những thiệt hại này không thể chỉ trông chờ vào việc bồi thường của người phạm tội vì trong nhiều trường hợp, người phạm tội không có khả năng bồi thường thiệt hại như người phạm tội chết, bị phá sản hay quá nghèo. Trong những trường hợp này, Nhà nước với tư cách là chủ thể quản lý xã hội phải có trách nhiệm trợ giúp cũng như huy động sức mạnh của xã hội để trợ giúp nạn nhân của tội phạm. Chỉ có như vậy, nạn nhân và gia đình họ mới có thể nhanh chóng khắc phục những thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, nhanh chóng ổn định đời sống. Mặt khác, sau khi hành vi phạm tội xảy ra, nhiều nạn nhân và gia đình họ luôn chịu sự đe dọa của người phạm tội nên nhiều trường hợp họ không dám tố cáo hành vi phạm tội. Chính vì vậy, làm tốt công tác bảo vệ và trợ giúp nạn nhân của tội phạm không chỉ giúp họ ổn định cuộc sống, bảo đảm an toàn tính mạng, sức khỏe của họ và gia đình họ mà còn khuyến khích sự hợp tác tích cực của nạn nhân với các cơ quan bảo vệ pháp luật, giúp quá trình điều tra, truy tố, xét xử người phạm tội được nhanh chóng,

thuận lợi, chính xác, đạt hiệu quả cao nhất. Nghiên cứu về nạn nhân của tội phạm trước hết cho phép xác định một phạm vi chính xác những người được coi là nạn nhân của tội phạm, từ đó có chính sách để phân loại nạn nhân làm căn cứ xây dựng các chính sách bồi thường và trợ giúp nạn nhân phù hợp. Nghiên cứu mà nạn nhân của tội phạm giúp cho việc xác định chính xác các loại thiệt hại mà nạn nhân phải gánh chịu. Từ đó có thể xây dựng được những định mức phù hợp làm căn cứ định hướng cho việc bồi thường và trợ giúp cho nạn nhân của tội phạm.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 của luận văn tập trung làm rõ những vấn đề lý luận chung về nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu. Trên cơ sở nghiên cứu, tác giả đã tập trung phân tích làm rõ các nội dung sau:

Một là, khái niệm về nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu - Đây là cơ sở lý luận đầu tiên cho việc xác định cách tiếp cận đề tài luận văn.

Hai là, phân loại nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu – Việc phân loại cũng chỉ ở mức độ tương đối tuy nhiên điều này tạo thuận lợi cho việc nhận thức chúng về mặt khoa học và mặt thực tiễn khi nghiên cứu về nạn nhân của tội phạm cụ thể và các đề tài, lĩnh vực khác có liên quan.

Ba là, vai trò của nạn nhân đối với thực trạng tội phạm ảm - Ý thức thái độ của nạn nhân trong việc tố giác hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu nhằm giảm nguy cơ trở thành nạn nhân của loại tội phạm này.

Bốn là, ý nghĩa của việc nghiên cứu nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu – Nội dung làm rõ sự cần thiết phải nghiên cứu vấn đề này trong cả lý luận và thực tiễn phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu.

Những nội dung được trình bày ở chương này là tiền đề lý luận cho việc nghiên cứu nội dung của Chương 2 và Chương 3 của luận văn.

Chương 2

TÌNH HÌNH NẠN NHÂN CỦA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Thực trạng nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Theo báo cáo tổng kết của Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh, trong 05 năm từ năm 2013 đến năm 2017 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh xảy ra tổng cộng 28.617 vụ phạm pháp hình sự, trong đó các vụ án xâm phạm sở hữu đã xảy ra 24.347 vụ, chiếm tỷ lệ 85.08%. Cụ thể, năm 2013 trên địa bàn thành phố xảy ra 5305/6218 vụ phạm pháp hình sự về các tội xâm phạm sở hữu, chiếm tỷ lệ 85,32%; năm 2014 xảy ra 5470/6381 vụ phạm pháp hình sự về các tội xâm phạm sở hữu, chiếm tỷ lệ 85,72%; năm 2015 xảy ra 5120/6004 vụ phạm pháp hình sự về các tội xâm phạm sở hữu, chiếm tỷ lệ 85, 28%; năm 2016 xảy ra 4406/5205 vụ phạm pháp hình sự về các tội xâm phạm sở hữu, chiếm tỷ lệ 84, 65%; năm 2017 xảy ra 4046/4809 vụ phạm pháp hình sự về các tội xâm phạm sở hữu, chiếm tỷ lệ 84, 13%.
[Xem bảng 2.1 và 2.2 - Phụ lục]

Từ số liệu đã phân tích ở trên cho thấy rằng, từ năm 2013 đến năm 2017 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh số vụ phạm tội xâm phạm sở hữu có chiều hướng giảm từ 5.305 vụ xuống còn 4.046 vụ. Tuy nhiên, tỷ lệ các tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh vẫn chiếm tỷ lệ cao trong khoảng từ 84% đến 86% số vụ phạm pháp hình sự mỗi năm. Trong đó, tội phạm trộm cắp tài sản chiếm tỷ lệ cao nhất với 65,50% tổng số vụ xâm phạm sở hữu; kế đến là tội phạm cướp giật tài sản chiếm tỷ lệ 20,61% tổng số vụ xâm phạm sở hữu; một số loại tội phạm ít xảy ra nhưng trong những năm gần đây có xu hướng diễn biến phức tạp về phương thức thủ đoạn và tính chất nguy hiểm về hành vi như: tội cưỡng đoạt tài sản, tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản,... [Xem bảng 2.3 - Phụ lục]

Tình hình nạn nhân của tội phạm nói chung và nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu nói riêng không được thống kê chính thức. Vì vậy, để xác định nạn nhân của nhóm tội xâm phạm sở hữu chúng ta cũng phải sử dụng phương pháp giả định. Theo thống kê của Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh, trong 05 năm từ năm 2013 đến năm 2017 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh xảy ra 24.347 vụ án xâm phạm sở hữu tập trung chủ yếu ở các tội có tính chất chiếm đoạt, chiếm tỷ lệ 85.08%. Nếu giả định mỗi vụ có ít nhất một nạn nhân (trên thực tế số lượng nạn nhân của một vụ án thường có ít nhất hơn một người) thì ít nhất giai đoạn này có khoảng 24.347 người là nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu. Như vậy, trung bình một năm có khoảng 4.869 người là nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu. Đây mới chỉ là số liệu tương đối về mặt lý thuyết được thống kê về số nạn nhân rõ, còn trên thực tế số lượng nạn nhân còn lớn hơn gấp nhiều lần, vì nhóm các tội xâm phạm sở hữu cũng là một trong những nhóm tội có tỷ lệ tội phạm ẩn rất cao. Có nhiều nghiên cứu cho thấy rằng, tỷ lệ tội phạm ẩn của tội trộm cắp tài sản (một tội phạm chiếm tỷ lệ lớn trong nhóm tội này) chiếm đến 80% tổng số tội phạm. Nếu theo tỷ lệ này thì số lượng nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu hàng năm là con số vô cùng lớn mà chúng ta không thể thống kê được. Phân tích sâu hơn các đặc điểm nhân thân của nạn nhân, tác giả kết hợp phương pháp nghiên cứu chọn lọc với số lượng các vụ án được khảo sát, thông qua nghiên cứu 124 nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017 cho chúng ta thấy được rằng:

Thứ nhất, về giới tính, thành phần xã hội, độ tuổi của các nạn nhân cho thấy: Về giới tính, có 45/124 nạn nhân là nam giới, chiếm tỷ lệ 36,29% và 79/124 nạn nhân là nữ giới, chiếm tỷ lệ 63,71%. Về thành phần xã hội, có 20/124 nạn nhân là cán bộ, công nhân viên chức, chiếm tỷ lệ 16,13%; có

54/124 nạn nhân là học sinh, sinh viên, chiếm tỷ lệ 43,54%; có 47/124 nạn nhân là dân lao động, chiếm tỷ lệ 37,90%. Về độ tuổi của nạn nhân, có 22/124 nạn nhân từ độ tuổi từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi, chiếm tỷ lệ 17,74%; có 24/124 nạn nhân từ độ tuổi từ đủ 18 đến dưới 30 tuổi, chiếm tỷ lệ 19,35%; có 48/124 nạn nhân từ độ tuổi từ 30 đến dưới 50 tuổi, chiếm tỷ lệ 38,71%; có 30/124 nạn nhân trên 50 tuổi, chiếm 24,20%. [*Xem bảng 2.4 - Phụ lục*]

Từ những phân tích trên cho thấy, nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu chủ yếu là nữ giới, vì đây là những đối tượng yếu thế, khả năng chống cự kém, cộng với có sở thích đeo trang sức và mang theo những tài sản có giá trị như: điện thoại di động, túi xách, dây chuyền,... cho nên dễ trở thành nạn nhân của các tội phạm xâm phạm sở hữu. Trong số 124 nạn nhân đã nghiên cứu thì chủ yếu tập trung ở thành phần xã hội là học sinh, sinh viên (43,54%) và dân lao động (37,90%) vì những thành phần xã hội này thường xuyên đi làm hoặc đi học vào những khung giờ và địa điểm vắng người. Đồng thời đây là những thành phần thường thiếu cảnh giác, kinh nghiệm sống chưa nhiều nên dễ trở thành nạn nhân, điều kiện dễ nảy sinh các tội phạm xâm phạm sở hữu. Đa số các nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu tập trung ở độ tuổi trên 50 tuổi (24,20%), vì ở độ tuổi này sức khỏe có sự suy giảm cho nên khả năng bảo vệ tài sản yếu hơn so với các độ tuổi khác.

Thứ hai, về mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội của một số tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017. Qua nghiên cứu 500 hồ sơ vụ án về 05 tội phạm xâm phạm sở hữu xảy ra phổ biến nhất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh điển hình như: Tội cướp tài sản, tội cưỡng đoạt tài sản, tội cướp giật tài sản, tội trộm cắp tài sản, tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thì trong 100 vụ cướp tài sản thì có 100% số vụ nạn nhân và người phạm tội ít quen biết hoặc hoàn toàn xa lạ. Trong 100 vụ cưỡng đoạt tài sản thì có 40/100 vụ nạn nhân có quan hệ

quen biết (hàng xóm, đồng nghiệp...) với người phạm tội, chiếm tỷ lệ 40%; có 60/100 vụ nạn nhân ít quen biết hoặc hoàn toàn xa lạ với người phạm tội, chiếm 60%. Trong 100 vụ cướp giật tài sản thì có 02/100 vụ nạn nhân có quan hệ quen biết (hàng xóm, đồng nghiệp...) với người phạm tội, chiếm tỷ lệ 2%; có 98/100 vụ nạn nhân ít quen biết hoặc hoàn toàn xa lạ với người phạm tội, chiếm tỷ lệ 98%. Trong 100 vụ trộm cắp tài sản thì có 03/100 vụ nạn nhân có quan hệ gia đình, họ hàng với người phạm tội, chiếm tỷ lệ 3%; có 11/100 vụ nạn nhân có quan hệ quen biết (hàng xóm, đồng nghiệp...) với người phạm tội, chiếm tỷ lệ 11%; có 86/100 vụ nạn nhân ít quen biết hoặc hoàn toàn xa lạ với người phạm tội, chiếm tỷ lệ 86%. Trong 100 vụ lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thì có 43/100 vụ nạn nhân có mối quan hệ họ hàng, gia đình với người phạm tội, chiếm tỷ lệ 43%; có 57/100 vụ nạn nhân có quan hệ quen biết với người phạm tội, chiếm tỷ lệ 57%. Điển hình như vụ trộm cắp tài sản xảy ra tại nhà số 348 Tân Hương, phường Tân Quý, quận Tân Phú do bà Ngô Thị Sửu, sinh năm: 1961, HKTT: 1129/38 Lạc Long Quân, phường 11, quận Tân Bình làm chủ. Vào lúc 20h00' ngày 11/02/2014, bà khóa cửa về nhà người thân ở lại qua đêm và không có người trông coi. Đến khoảng 6h30' ngày 12/02/2014, hàng xóm bà phát hiện cửa nhà bị bẻ khóa. Sau khi kiểm tra tài sản, bà Sửu phát hiện mất 01 tivi LG 32 inch, 01 CPU, 01 laptop hiệu MSI U160, 01 Ipad 2, 01 máy Ipod hiệu Classic 80GB, khoảng 30 kg hạt cà phê và 01 máy chụp hình. Quá trình điều tra làm rõ vụ việc cơ quan chức năng phát hiện đối tượng đột nhập nhà bà Sửu là Lê Văn Hùng, sinh năm: 1990 và Trần Văn Dũng, sinh năm: 1992 là cháu họ bà Sửu. Do ham mê cờ bạc và nghiện game online nên hết tiền tiêu xài, 02 đối tượng này rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Qua theo dõi biết được nhà bà Sửu không có người trông coi, lợi dụng lúc nửa đêm khi mọi người đang ngủ say, 02 đối tượng này dùng kim cọng lực cắt ổ khóa để đột nhập vào trong nhà trộm tài sản. [Xem bảng 2.6 - Phụ lục]

Thứ ba, về nguyên nhân xuất phát từ phía nạn nhân trong các vụ án xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017 cho thấy rằng: Từ phía nạn nhân cũng hình thành những nguyên nhân dẫn đến tội phạm xâm phạm sở hữu xảy ra trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể, nạn nhân để lộ thông tin cá nhân, số điện thoại, số tài khoản ngân hàng trong quá trình sử dụng điện thoại thông minh như: điền thông tin quá chi tiết khi đăng ký tài khoản mạng xã hội, tiết lộ số tài khoản, mật khẩu khi tiến hành giao dịch mua bán online... tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng sử dụng phần mềm gián điệp để chiếm đoạt tài sản bằng công nghệ cao. Trong thời gian gần đây, có rất nhiều vụ đối tượng phạm tội giả danh công an điều tra vụ án, tội phạm người nước ngoài sử dụng mạng xã hội tiếp cận nạn nhân để lừa tiền, hack tài khoản Facebook để lừa nạp thẻ cào, hay quảng cáo làm bằng cấp, chứng chỉ giả qua mạng xã hội là các thủ đoạn mà bọn tội phạm công nghệ cao thường sử dụng để chiếm đoạt tiền của những người nhẹ dạ, cả tin. Hay việc nạn nhân không gửi phương tiện giao thông tại các địa điểm trông giữ; không khóa cửa nhà; không khóa các phương tiện giao thông cẩn thận; vận chuyển nhiều tiền vàng bằng xe máy mà không có nhiều người bảo vệ; vừa tham gia giao thông vừa sử dụng điện thoại di động; phụ nữ, trẻ em mang theo tài sản đi một mình nơi vắng vẻ; phụ nữ đeo nhiều trang sức (dây chuyền) khi đi ngoài đường; phụ nữ, trẻ em mang theo tài sản đi một mình nơi vắng vẻ; trẻ em đeo đồ trang sức, sử dụng phương tiện đắt tiền (xe đạp điện, điện thoại di động...)... Các nguyên nhân kể trên chiếm tỷ lệ khá cao trong đời sống xã hội hiện đại ở những mức độ khác nhau, tuy nhiên chúng xuất phát từ yếu tố nạn nhân và đều dẫn đến tình trạng tội phạm xâm phạm sở hữu ngày càng diễn biến phức tạp trong thời gian qua. [*Xem bảng 2.7 - Phụ lục*]

Thứ tư, về đặc điểm thể chất, tinh thần của nạn nhân. Qua nghiên cứu 100 hồ sơ vụ án các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017 cho thấy rằng: Có 67/100 vụ nạn nhân có sức khỏe bình thường, tinh thần minh mẫn, chiếm tỷ lệ 67%; có 12/100 vụ nạn nhân bị bệnh, chiếm tỷ lệ 12%; có 08/100 vụ nạn nhân bị thương tật, dị tật,..., chiếm tỷ lệ 08%; có 13/100 vụ nạn nhân có nhược điểm về thể chất tinh thần, chiếm tỷ lệ 13%. [Xem bảng 2.8 - Phụ lục] Qua phân tích cho thấy, những đối tượng đang bị bệnh hay đang rơi vào trạng thái bị thương tật, dị tật hoặc có những nhược điểm về thể chất, tinh thần rất dễ trở thành nạn nhân của các tội phạm xâm phạm sở hữu.

Thứ năm, về đặc điểm tâm lý của nạn nhân trong các tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017, qua việc nghiên cứu 100 hồ sơ vụ án các tội xâm phạm sở hữu ta thấy: Một số đặc điểm tâm lý của nạn nhân như chủ quan, thiếu cảnh giác; là người nhẹ dạ, cả tin; là người mê tín dị đoan; nạn nhân không tố giác tội phạm... là những nét tâm lý đóng vai trò đáng kể trong quá trình phát sinh tội phạm. [Xem bảng 2.9 - Phụ lục] Tất cả những biểu hiện tâm lý trên là các nguyên nhân thúc đẩy sự hình thành ý định phạm tội cũng như thúc đẩy việc thực hiện tội phạm xâm phạm sở hữu.

Thứ sáu, về các khía cạnh nạn nhân là tổ chức trong các tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017. Bên cạnh những nạn nhân là cá nhân thì nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu còn là các cơ quan, tổ chức. Qua nghiên cứu 50 hồ sơ vụ án các tội xâm phạm sở hữu đối với các tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017: Có 10/50 vụ (chiếm 20%) các tổ chức thể hiện sự yếu kém về chuyên môn nghiệp vụ của người đại diện tổ chức trong quá trình hoạt động dẫn đến xảy ra tội phạm xâm phạm sở hữu; có 04/50 vụ (chiếm

08%) các tổ chức đã có sự buông lỏng công tác quản lý cán bộ, quản lý con người của tổ chức dẫn đến xảy ra tội phạm xâm phạm sở hữu; có 33/50 vụ (chiếm 66%) các tổ chức đã có sự yếu kém trong cách quản lý, bảo vệ tài sản của tổ chức dẫn đến xảy ra tội phạm xâm phạm sở hữu. [Xem bảng 2.10 - Phụ lục] Trong 05 năm từ 2013 đến năm 2017, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã xảy ra tổng cộng 24347 vụ án xâm phạm sở hữu, qua đó đã gây thiệt hại lớn cho cá nhân, cơ quan tổ chức trên địa bàn thành phố. Trong đó thiệt hại chủ yếu tập trung vào những tài sản sau: Tiền mặt, Tiền mặt ngoại tệ, Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, Điện thoại di động, máy tính bảng; Xe mô tô, xe gắn máy; Đồ dùng gia đình (tivi, tủ lạnh, quạt máy...).

2.2. Các nguyên nhân và điều kiện trở thành nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu

Theo tác giả Trần Hữu Tráng cho rằng, nguyên nhân trở thành nạn nhân của nhóm tội này cũng được xem xét từ các yếu tố chủ quan của nạn nhân và các yếu tố khách quan bên ngoài môi trường sống.

- Các nguyên nhân chủ quan

Các nguyên nhân chủ quan xuất phát từ chính các nạn nhân làm tăng nguy cơ trở thành nạn nhân của nhóm tội xâm phạm sở hữu, trước hết đó là tâm lý quá tin tưởng vào người khác. Đây là nguyên nhân phổ biến từ phía nạn nhân trong các tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản hay trộm cắp tài sản. Vì quá tin tưởng vào người khác mà nhiều khi tham gia các quan hệ giao dịch đã không làm đúng những quy định, trình tự nên đã làm gia tăng khả năng trở thành nạn nhân của tội phạm. Tâm lý mất cảnh giác cũng là nguyên nhân thúc đẩy quá trình trở thành nạn nhân của tội phạm. Sự mất cảnh giác, thiếu cẩn trọng trong việc cất giữ, bảo vệ tài sản của nạn nhân là nguyên nhân phổ biến làm phát sinh tội phạm trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản hay lạm dụng tín nhiệm chiếm

đoạt tài sản... Thống kê trong các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, trong 05 năm từ năm 2013 đến năm 2017 chiếm tỷ lệ cao nhất với 65,50% tổng số vụ xâm phạm sở hữu. Cụ thể, trong thời gian gần đây trên địa bàn thành phố đã xảy ra hàng loạt các vụ phạm tội xâm phạm sở hữu nhằm vào sự sơ hở, thiếu cảnh giác của chủ tài sản. Các băng nhóm tội trộm cắp tài sản nhằm vào những xe máy đắt tiền mà không khóa xe cẩn thận, không gửi xe ở những nơi trông giữ; các băng nhóm chuyên theo dõi các khách hàng giao dịch tại các ngân hàng, các trụ ATM... Lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của những khách hàng này khi chuyên chở một số lượng lớn tiền mặt, vàng mà không có người bảo vệ, vận chuyển bằng xe máy... các băng nhóm này đã gây ra hàng loạt các vụ cướp, trộm cắp tiền vàng của những người này. Nhiều người thường thích đeo nhiều đồ trang sức khi đi ngoài đường, cho con cái đeo đồ trang sức đắt tiền, đồ dùng có giá trị như xe đạp, điện thoại... điều này sẽ kích thích làm gia tăng hành vi phạm tội. Như vậy, tâm lý tự tin, quá dễ dãi đối với sự an toàn của bản thân cũng như không có kiến thức phòng ngừa loại tội phạm này hoặc biết nhưng không chủ động đề phòng, không xác minh thông tin để đối tượng lợi dụng, mất cảnh giác đối với việc bảo vệ tài sản của mình hay tâm lý thích phô trương tài sản chính là những nguyên nhân chủ yếu làm tăng nguy cơ trở thành nạn nhân của các tội phạm xâm phạm sở hữu. Sự thiếu hiểu biết về pháp luật, háms lợi, lười lao động nhưng thích hưởng thụ của một bộ phận người trong xã hội cũng góp phần làm gia tăng số lượng nạn nhân của loại tội phạm này. Đánh vào lòng tham, sự háms lợi và thiếu hiểu biết của nạn nhân đối tượng phạm tội đã chiếm đoạt số lượng lớn tài sản từ việc mua bán nhà đất, tiền chạy án, chạy việc, xuất khẩu lao động, đầu tư tiền ảo qua mạng internet, bán hàng đa cấp... Bên cạnh đó, một số đặc điểm sinh học của con người như người già, trẻ em cũng là những đối tượng mà hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu hướng tới, nhất là

khi biết những người này có các tài sản giá trị cao. Nguyên nhân chủ yếu là do các nạn nhân chủ quan, lơ là, mất cảnh giác, đua đòi, thích hưởng thụ, lười lao động, già yếu... một số người bị đối tượng lừa đảo khi tham gia chơi hội, lô đề, cá độ, đánh bạc qua mạng internet, cho vay nặng lãi... cũng chiếm tỷ lệ khá cao trong bức tranh nạn nhân của các loại tội phạm này.

- Các nguyên nhân khách quan

Bên cạnh các nguyên nhân chủ quan thì các nguyên nhân khách quan cũng đóng vai trò nhất định trong việc làm tăng nguy cơ trở thành nạn nhân của nhóm tội xâm phạm sở hữu. Các nguyên nhân khách quan làm phát sinh các tội phạm sở hữu trước hết phải kể đến thời gian, địa điểm. Yếu tố thời gian có ý nghĩa quan trọng trong nhiều trường hợp như tội trộm cắp tài sản thường diễn ra vào ban đêm khuya hay buổi trưa ở những nơi vắng vẻ, ít người qua lại. Bởi vì trong khoảng thời gian này nạn nhân thường có xu hướng nghỉ ngơi hoặc đi vào giấc ngủ say, khả năng bảo vệ tài sản ở mức thấp nhất nên tạo điều kiện thuận lợi cho tội phạm trộm cắp tài sản thực hiện hành vi. Yếu tố địa điểm cũng đóng vai trò rất quan trọng làm phát sinh tội phạm, đặc điểm của loại tội phạm này là ở đâu có con người, có tài sản thì ở đó tồn tại khả năng trở thành nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu. Ví dụ: tội cướp tài sản, cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản xảy ra ở bất kỳ nơi nào khi đối tượng phạm tội thấy nạn nhân lơ là, chủ quan, mất cảnh giác thì sẽ thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, ở những địa bàn khác nhau tính chất, mức độ của hành vi phạm tội cũng không giống nhau. Thực tế cho thấy rằng, ở những nơi tập trung đông dân cư, đời sống kinh tế cao hơn thì các vụ xâm phạm sở hữu xảy ra nhiều hơn là ở những vùng nông thôn, hẻo lánh, đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn. Chính vì vậy, những người có lịch trình sinh hoạt và đặc thù công việc hàng ngày mà thời gian và địa điểm phù hợp với việc thực hiện tội phạm sẽ có nguy cơ cao trở thành nạn nhân của tội phạm này.

Yếu tố nghề nghiệp của nạn nhân cũng là một yếu tố có vai trò khá quan trọng trong quá trình nạn nhân hóa nhóm tội này. Những người hành nghề chạy xe ôm, lái xe taxi, kinh doanh vàng bạc, đá quý, đồ trang sức, cửa hàng thời trang, đồ điện tử, mua bán hàng hóa có giá trị cao... thường là mục tiêu nhắm đến của nhóm tội này nên rất dễ trở thành nạn nhân của các tội cướp tài sản, cướp giật tài sản, bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản hay trộm cắp tài sản.

Thói quen, lối sống của nạn nhân trong một số trường hợp cũng làm gia tăng đáng kể nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm. Có rất nhiều lối sống tưởng chừng vô hại nhưng trong sự kết hợp với những điều kiện khác như động cơ, mục đích của người phạm tội cũng như đặt trong những hoàn cảnh và khả năng tự bảo vệ là những yếu tố rất quan trọng thúc đẩy làm gia tăng nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm. Nhiều nhà tội phạm học trên thế giới như học giả Basia Spalek và Bernd - Dieter Meier đã khẳng định rằng, trong những điều kiện thời gian và không gian nhất định và trong các mối quan hệ nhất định với những người có nhiều khả năng phạm tội, những lối sống và những thói quen nhất định là những yếu tố quan trọng làm tăng khả năng trở thành nạn nhân của tội phạm. Ở Việt Nam những nghiên cứu về lối sống của con người còn chưa được quan tâm, gần đây công trình nghiên cứu của Th.S. Nguyễn Ánh Hồng (Giảng viên Khoa Giáo dục học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh) về lối sống của sinh viên hiện nay tại ba trường: Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn và Đại học Bách khoa cho thấy: Có 60% sinh viên hướng hoạt động sống khép mình, ít tham gia các hoạt động xã hội, 10% sinh viên hướng hoạt động vào các hoạt động vui chơi, giải trí như: xem phim, mua sắm điện thoại đời mới, hàng hiệu... Chính lối sống khép mình khiến họ ít có kinh nghiệm sống cũng như những hiểu biết xã hội, kinh

nghiệm giao tiếp. Điều này làm cho họ dễ bị lợi dụng và trở thành nhóm người có nguy cơ cao bị tội phạm xâm phạm sở hữu trong đó có nhóm tội phạm xâm phạm sở hữu. Vụ án hàng loạt sinh viên Đại học Cần Thơ bị lừa thông qua hình thức huy động vốn trên internet là một ví dụ điển hình cho thấy nguy cơ cao trở thành nạn nhân của tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhóm nạn nhân này. [*Trần Hữu Tráng, Nạn nhân của tội phạm, Nxb Giáo dục Việt Nam, tr. 131, 132, 133*].

Theo nhà nghiên cứu Phạm Văn Tĩnh cho rằng, nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu (XPSH) rất đa dạng, phong phú và có những mức độ tồn tại, thể hiện khác nhau. Để thuận lợi cho việc nhận thức chúng về mặt khoa học và thực tiễn cần phải phân loại chúng. Việc phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH cũng dựa trên lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm. Tùy vào cách tiếp cận vấn đề mà ta có thể phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH thành các nhóm khác nhau. Xét thấy để giải quyết tốt nhiệm vụ nghiên cứu của đề tài thì cần phải phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH trên cơ sở cơ chế hành vi phạm tội. Qua nghiên cứu các công trình, tài liệu về cơ chế hành vi phạm tội, có thể rút ra các kết luận sau:

Một là, hệ thống các yếu tố làm phát sinh tình hình các tội XPSH cần làm rõ dựa trên quy luật của cơ chế hành vi phạm tội vận hành theo công thức $S - X - R$, trong đó S là kích thích khách thể (môi trường sống), X là kích thích phương tiện (yếu tố tâm sinh lý con người với hạt nhân là ý thức pháp luật) và R là hành động trả lời các kích thích đó.

Hai là, cơ chế hành vi phạm tội có hai quá trình: Quá trình tương tác nhập tâm và quá trình tương tác xuất tâm. Hai quá trình này phụ thuộc lẫn nhau, tác động qua lại lẫn nhau.

Ba là, quá trình tương tác nhập tâm trong cơ chế hành vi phạm tội là quá trình con người chuyển các yếu tố từ phía môi trường sống vào bản thân mình để tạo thành tâm lý, ý thức, quan điểm, nhân cách của bản thân và cách nhìn nhận thế giới bên ngoài. Quá trình tương tác nhập tâm diễn ra trong đầu óc con người, kéo dài từ khi sinh ra cho đến khi có động cơ tư tưởng thực hiện hành vi phạm tội (động cơ hóa hành vi), quá trình này phụ thuộc vào khả năng nhận thức của từng con người và được bộc lộ ra bên ngoài thông qua quá trình tương tác xuất tâm.

Bốn là, quá trình tương tác xuất tâm trong cơ chế hành vi phạm tội là quá trình bộc lộ tâm lý, ý thức. Đặc biệt là ý thức pháp luật ra bên ngoài thông qua hoạt động kế hoạch hóa và hiện thực hóa hành vi. Nói cách khác, quá trình tương tác xuất tâm không chỉ có biểu hiện là hành vi cụ thể nào đó mà còn là kết quả phản ánh quá trình tương tác nhập tâm.

Trên cơ sở lý luận như đã trình bày, việc phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội XPSH theo cơ chế hành vi phạm tội được tiến hành như sau:

2.2.1. Nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác nhập tâm

Quá trình tương tác nhập tâm của cơ chế hành vi phạm tội XPSH kéo dài từ khi sinh ra cho tới khi chủ thể hành vi có được động lực thực hiện hành vi phạm tội XPSH, tức là từ quá trình tiếp nhận các yếu tố từ môi trường bên ngoài từ khi sinh ra đến giai đoạn “động cơ hóa hành vi” trong mô hình cơ chế hành vi phạm tội. Quá trình này chỉ diễn ra trong đầu óc con người, được gọi là “Quá trình tương tác nhập tâm”. Chính những yếu tố tiêu cực thuộc quá trình này cùng với các yếu tố thuộc tâm sinh lý bên trong con người đã tạo cho chủ thể hành vi một nhân thân không tốt và dẫn tới xác định cho mình động lực để phạm tội – động cơ hóa hành vi.

- Những nguyên nhân và điều kiện khách quan

Nguyên nhân và điều kiện khách quan thuộc quá trình tương tác nhập tâm tồn tại trước khi đối tượng có động cơ ý định phạm tội. Những nguyên nhân, điều kiện này tác động lên đối tượng trong một khoảng thời gian dẫn đến việc hình thành những nhu cầu lợi ích không phù hợp với các chuẩn mực xã hội; để thỏa mãn nhu cầu, lợi ích đó thì đối tượng lựa chọn con đường đó là thực hiện hành vi XPSH và dự định sẽ làm khi có điều kiện thích hợp. Tuy nhiên, cần phải lưu ý rằng như đã trình bày thì kết quả sự tác động của các yếu tố này còn phụ thuộc vào khả năng lĩnh hội của chủ thể điều này giải thích cho việc không phải ai rơi vào môi trường không thuận lợi cũng đều có ý định phạm tội – động cơ hóa hành vi.

+ Yếu tố tiêu cực thuộc môi trường gia đình: Gia đình là tế bào của xã hội, cái nôi nuôi dưỡng và là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách của con người. Nhân cách của con người được hình thành qua một quá trình giáo dục từ gia đình đến nhà trường và xã hội. Trong đó, gia đình được xem như là cái nôi văn hóa đầu tiên hình thành nhân cách con người. Môi trường gia đình thuận lợi sẽ hình thành các đặc điểm nhân thân tích cực đối với mỗi cá nhân. Ngược lại, môi trường gia đình khiếm khuyết không hoàn hảo, quá nuông chiều hay quá nghiêm khắc, các thành viên thiếu sự quan tâm lẫn nhau, bố mẹ đi làm ăn xa hay tập trung làm kinh tế mà thiếu đi sự quan tâm chăm sóc con cái... sẽ hình thành các đặc điểm nhân thân tiêu cực đối với mỗi thành viên trong gia đình, đặc biệt là đối với lứa tuổi vị thành niên. Qua đó ta thấy, gia đình có vai trò quyết định nhân cách gốc của con người. Cho nên, nhân cách con người xấu hay tốt hay trở thành tội phạm XPSH phần lớn phụ thuộc vào các yếu tố xuất phát từ gia đình. Như vậy để phòng ngừa cũng như đấu tranh chống tội phạm XPSH, việc xem xét các yếu tố tiêu cực từ môi trường gia đình có vai trò rất quan trọng.

+ Yếu tố tiêu cực thuộc môi trường nhà trường: Nhà trường không chỉ là nơi truyền thụ kiến thức cho người học mà còn có vai trò quan trọng để rèn luyện đạo đức, pháp luật, kỹ năng sống và giáo dục thể hệ trẻ trở thành những con người sống có hoài bão, có lý tưởng tốt đẹp... Nhà trường khi làm tốt nhiệm vụ của mình thì sẽ đào tạo được những thế hệ trẻ tương lai có đủ tài và đức để giúp ích cho xã hội, đất nước. Ngược lại, nếu trong môi trường trường học tồn tại nhiều nhân tố không lành mạnh thì cũng có thể ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách lệch lạc của mỗi cá nhân, hình thành đặc điểm nhân thân xấu, từ đó khi gặp tình huống tiêu cực họ dễ phát sinh động cơ vi phạm pháp luật. Các nhân tố không lành mạnh từ môi trường giáo dục là nguyên nhân của tình hình các tội XPSH có thể kể đến như: nhà trường chưa chú trọng giáo dục đạo đức, pháp luật và kỹ năng sống; chưa chú trọng giáo dục sự tôn trọng tài sản, tính mạng của người khác; nội dung và phương pháp giảng dạy không phù hợp; sự quản lý lỏng lẻo, không có hoặc có nhưng chưa mang lại hiệu quả về công tác phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc giáo dục người học; chương trình đào tạo quá nặng gây áp lực cho người học, đặc biệt ở lứa tuổi học sinh, sinh viên dẫn đến sự căng thẳng, mệt mỏi và nhiều học sinh, sinh viên có biểu hiện tâm lý bất thường dễ mắc các chứng bệnh trầm cảm, sống tự kỷ hoặc ích kỷ...

+ Yếu tố thuộc môi trường bạn bè: Cùng với gia đình, nhà trường, bạn bè cũng có ảnh hưởng vô cùng quan trọng trong việc hình thành nhân cách, ý thức, quan điểm, phương pháp nhận thức thế giới của mỗi cá nhân. Đặc biệt là ở các em lứa tuổi vị thành niên thích chơi cùng với một số người bạn có những đặc điểm về tâm sinh lý lứa tuổi và sở thích giống nhau. Vì vậy, bạn bè có ảnh hưởng vô cùng lớn đến các quan điểm, quan niệm, nhận thức lối sống, thậm chí đến thói quen, cách cư xử của mỗi cá nhân. Nếu kết bạn với bạn bè tốt, bản thân họ sẽ dễ hình thành các đặc điểm nhân thân tích cực như chăm

chỉ học tập, biết quan tâm, lo lắng, chia sẻ với người khác, lễ phép, có nhiều kỹ năng sống... Nhưng khi chơi với những người bạn xấu, người đó rất dễ nhiễm những thói hư, tật xấu của bạn bè như lười học, uống rượu, hút thuốc lá, đua đòi, chơi bời, hưởng thụ, chơi game... hay thậm chí là nghiện ma túy, nghiện rượu, nghiện game, cờ bạc... và để có tiền để thỏa mãn sở thích lệch lạc đó họ sẵn sàng phạm vào các tội XPSH, đặc biệt là tội trộm cắp tài sản, tội cướp giật tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản luôn chiếm tỷ lệ cao.

+ Yếu tố tiêu cực thuộc môi trường xã hội: Khi nghiên cứu làm rõ các yếu tố là nguyên nhân, điều kiện phát sinh tình hình các tội XPSH thì cần phải xem xét đến các yếu tố thuộc môi trường xã hội mà Nhà nước là chủ thể quản lý. Như chúng ta đã biết, Nhà nước thực hiện chức năng quản lý mọi mặt của đời sống xã hội và Nhà nước cũng là một chủ thể trong mối quan hệ pháp luật hình sự. Vì thế, Nhà nước phải chịu trách nhiệm đối với vấn đề tội phạm trong xã hội. Hay nói cách khác, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm phải bao gồm các yếu tố thuộc môi trường xã hội mà Nhà nước là chủ thể quản lý. Để đảm bảo tính bao quát và tránh sai sót trong việc xác định hệ thống các yếu tố làm phát sinh tình hình các tội XPSH thì các yếu tố này cần phải được phân loại thành các yếu tố khách quan và chủ quan trên cơ sở lấy Nhà nước – một chủ thể của quan hệ pháp luật hình sự, chủ thể bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và của toàn xã hội làm trung tâm để phân biệt [35, tr. 315].

Những yếu tố khách quan làm phát sinh tình hình các tội XPSH là các yếu tố đang tồn tại trong xã hội theo quy luật riêng, không phụ thuộc vào ý chí Nhà nước và cũng không phải do Nhà nước gây ra. Những yếu tố này có thể kể ra như:

Một là, mặt trái của nền kinh tế thị trường. Bản thân nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường có những yếu tố tạo nên môi trường thuận lợi cho

việc phát triển nền kinh tế đất nước, nhưng chính nó cũng làm nảy sinh và phát triển những tiêu cực trong xã hội. Những tác động tiêu cực từ mặt trái của kinh tế thị trường được xem là một trong những nguyên nhân làm tình hình tội phạm nói chung và tình hình các tội xâm phạm sở hữu diễn biến theo chiều hướng xấu.

Hai là, những khó khăn về kinh tế không chỉ tác động vào từng con người cụ thể mà còn tác động tiêu cực đến việc thực hiện các chủ trương, chính sách xã hội của Nhà nước. Những tác động tiêu cực có thể kể đến như: Do nền kinh tế còn gặp rất nhiều khó khăn và thách thức, hệ thống pháp luật thường xuyên phải thay đổi để kịp thời điều chỉnh các mối quan hệ mới nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế, chính trị và xã hội, đặt ra yêu cầu cho các cơ quan bảo vệ pháp luật phải thường xuyên xây dựng và áp dụng các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung và tình hình các tội XPSH nói riêng một cách hữu hiệu nhất. Việc thực hiện phối kết hợp các biện pháp chung của toàn xã hội với các biện pháp chuyên môn của các cơ quan bảo vệ pháp luật trong thời gian qua còn gặp nhiều khó khăn dẫn đến việc phòng ngừa và đấu tranh chưa toàn diện và triệt để...

Ba là, mặt trái của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế tất yếu của mọi quốc gia trên toàn thế giới và thực tế quá trình này đã tác động tích cực đến nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội. Tuy nhiên, quá trình này làm xuất hiện những yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm nói chung và tình hình các tội XPSH nói riêng. Chẳng hạn như sự chênh lệch về trình độ công nghệ đã khiến cho các tổ chức, cá nhân trở thành nạn nhân của các hành vi có tính chiếm đoạt như sử dụng trái phép tần số viễn thông nhằm chiếm đoạt tài sản, làm thẻ tín dụng giả để rút tiền hay lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản...

Bốn là, sự cố thiên tai, môi trường, dịch bệnh... Những rủi ro mà con người chưa thể kiểm soát được cũng đang làm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế của người dân dễ dẫn đến các hành vi trộm cắp, cướp giật, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Những yếu tố chủ quan làm phát sinh tình hình tội phạm phải là yếu tố nảy sinh do những hạn chế, thiếu sót của Nhà nước trong quá trình thực hiện chức năng quản lý xã hội đã làm phát sinh tội phạm mặc dù nằm ngoài sự mong muốn của Nhà nước. Đó là những yếu kém, khiếm khuyết trong quá trình quản lý xã hội của Nhà nước... một số hạn chế, thiếu sót của Nhà nước trong quản lý xã hội có thể là nguyên nhân, điều kiện thuộc quá trình tương tác nhập tâm của tình hình các tội XPSH như:

Thứ nhất, chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật còn tồn tại những bất cập. Trong những năm gần đây, thực hiện chính sách đổi mới của Đảng, kinh tế - xã hội đất nước phát triển theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đạt được nhiều thành tựu to lớn. Tuy nhiên, cùng với sự tiến bộ ấy vẫn còn tồn tại những bất cập trong chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật.

Thứ hai, việc thực thi pháp luật chưa nghiêm. Cần phải nhận thức rằng thực thi pháp luật không nghiêm là nguyên nhân, điều kiện phát sinh tội phạm trong đó có tình hình các tội XPSH. Việc thực thi pháp luật chưa nghiêm đã tác động đến tâm lý nhiều đối tượng khiến cho họ liều lĩnh thực hiện hành vi phạm tội đến cùng khi bản thân phát sinh nhu cầu bất chính.

Thứ ba, công tác quản lý các hoạt động văn hóa chưa đáp ứng với mục đích và yêu cầu đề ra. Quá trình hội nhập quốc tế đã đem lại cho nhân dân ta đời sống văn hóa phong phú, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành. Tuy nhiên, cùng với đó là tình trạng phổ biến, tiếp thu thiếu chọn lọc những sản phẩm văn hóa không phù hợp; suy thoái về tư tưởng chính trị,

đạo đức, lối sống trong xã hội có chiều hướng gia tăng; các giá trị đạo đức truyền thống bị xói mòn... Những yếu tố này đã góp phần hình thành ở một bộ phận không nhỏ người dân có tư tưởng háms lợi, tham lam, ích kỷ, coi trọng vật chất, chây lười lao động, sống nhanh, sống gấp, coi thường tài sản, tính mạng của người khác, tham gia vào các hoạt động tệ nạn xã hội... và để có tiền tiêu xài, thỏa mãn sở thích lệch lạc một số đối tượng đã lựa chọn đi vào con đường thỏa mãn nhu cầu bằng cách tiêu cực như trộm cắp tài sản, cướp tài sản, cướp giết tài sản...

Thứ tư, công tác phổ biến pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật cho người dân còn nhiều hạn chế. Công tác thông tin, phổ biến pháp luật, về cách thức phát hiện và đối phó với các phương thức, thủ đoạn của đối tượng phạm tội XPSH ở các cấp, các ngành trong quần chúng nhân dân còn chưa có chiều sâu, nội dung và phương pháp chưa phù hợp nên vẫn còn phần lớn người dân chưa nắm bắt được các quy định của pháp luật, chưa nhận thức được trách nhiệm của mình trong việc phát hiện, tố giác hành vi phạm tội của các đối tượng phạm tội nói chung, tội phạm XPSH nói riêng.

Thứ năm, công tác quản lý xã hội còn kém hiệu quả. Quản lý Nhà nước kém hiệu quả cần phải được xem xét như là nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm trong đó có tình hình các tội XPSH. Cùng với các yếu tố tiêu cực khác, những hạn chế từ công tác quản lý xã hội cũng là nguyên nhân, điều kiện cho việc phát sinh tình hình tội phạm nói chung và tình hình các tội XPSH nói riêng.

- Những nguyên nhân và điều kiện chủ quan

Nguyên nhân, điều kiện chủ quan từ phía người phạm tội thuộc quá trình tương tác nhập tâm được hiểu là tất cả những yếu tố thuộc về người phạm tội bao gồm những tiêu cực thuộc ý thức và những biểu hiện tiêu cực trong lối sống cá nhân dẫn đến việc hình thành quá trình động cơ hóa hành vi phạm tội.

Quá trình động cơ hoá hành vi phạm tội diễn ra trong suy nghĩ người phạm tội, còn những động lực của hành vi như nhu cầu, sở thích, lợi ích, thói quen... lại là những yếu tố không phải lúc nào cũng ở trong con người, mà chúng thường do môi trường bên ngoài quy định. Điều đó có nghĩa là, động cơ hoá hành vi là quá trình tâm - sinh lý - xã hội. Quá trình này có cơ sở khách quan do điều kiện xã hội, do hoàn cảnh sống cụ thể của mỗi con người mang lại [36]. Khi tìm hiểu về quá trình này, có thể đưa ra được những nhận định sau:

Thứ nhất, động cơ hóa hành vi phạm tội XPSH chính là kết quả cuối cùng của quá trình tương tác nhập tâm, là cái chuẩn bị cho quá trình tương tác xuất tâm.

Thứ hai, trái với nhiều hành vi phạm tội khác, quá trình động cơ hóa hành vi phạm tội XPSH luôn luôn hiện hữu trong mọi trường hợp, mọi vụ án XPSH đã xảy ra. Bởi vì bản thân tên của nhóm tội danh “XPSH” đã khẳng định động lực thúc đẩy thực hiện hành vi là nhu cầu tài sản, mục đích vụ lợi và vì lợi ích kinh tế hoặc mục đích khác nhưng phải xuất phát từ những nguyên nhân trước nó (các hành vi hủy hoại, làm hư hỏng tài sản) dẫn tới việc hình thành quá trình động cơ hóa hành vi phạm tội.

Thứ ba, không phải cứ có nhu cầu về tài sản là đương nhiên thực hiện hành vi XPSH tài sản. Bởi vì nhu cầu về tài sản, bản thân nó là nhu cầu chính đáng. Hơn nữa, *nhu cầu cần thiết, chính đáng và phổ biến của con người, được xã hội thừa nhận và pháp luật ghi nhận, lại chính là quyền con người* [33; tr. 8], nên sai lệch có khả năng dẫn đến các hành vi phạm tội XPSH không thể nằm ở chính bản thân nhu cầu này, mà là ở sự không phù hợp của nhu cầu với hoàn cảnh của chủ thể hành vi.

Dựa vào những nhận định trên, ở đây cần phải phân tích các yếu tố cụ thể có thể được xem là nguyên nhân và điều kiện chủ quan của quá trình này như sau:

Một là, do trí tuệ, khả năng nhận thức. Khả năng nhận thức, giải quyết tình huống phụ thuộc vào trí tuệ, sự thông minh của mỗi cá nhân. Trí tuệ hay sự thông minh của mỗi cá nhân cụ thể sẽ có sự khác nhau, điều này tùy thuộc vào giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn, yếu tố di truyền, môi trường sống... Một người có hiểu biết tốt thì sẽ có khả năng chọn lọc được các yếu tố tích cực để tiếp thu, học hỏi và loại bỏ hay có sức phản kháng lại các yếu tố tiêu cực. Đa số người phạm tội XPSH có trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận biết, đánh giá và phân tích các tình huống xảy ra rất hạn chế, cộng thêm sự lười biếng, háms lợi, muốn kiếm tiền một cách nhanh chóng mà không phải bỏ công sức lao động và để thỏa mãn nhu cầu vật chất của bản thân mà các đối tượng đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác.

Hai là, sai lệch về sở thích. Sở thích là những hoạt động cần được thực hiện thường xuyên tạo nên thói quen, đem lại cho con người niềm vui, sự phấn khởi trong cuộc sống. Nếu cá nhân có những sở thích như đọc sách, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao thường xuyên, tiếp thu có chọn lọc các hình thức giải trí, vui chơi lành mạnh thì hình thành ở người đó nhân cách đúng đắn. Ngược lại, cá nhân có sở thích không lành mạnh như: thích đua đòi, thích thể hiện bản thân, thói quen tụ tập ăn chơi, ăn diện, sử dụng các chất kích thích, lười biếng vận động và tham gia các hoạt động xã hội từ thiện... sẽ hình thành ở cá nhân đó nhân cách lệch lạc như sống thực dụng, coi trọng vật chất, hưởng thụ, sống buông thả, không có hoài bão, coi thường chuẩn mực đạo đức, coi thường pháp luật... Đến một lúc nào đó, gặp những hoàn cảnh, tình huống cụ thể họ sẽ không kiểm chế, kiểm soát

được hành vi của mình và lựa chọn cách xử sự không đúng đắn, kể cả xâm phạm đến tài sản, tính mạng, sức khỏe của người khác.

Ba là, sai lệch về nhu cầu tài sản. Nhu cầu về tài sản là nhu cầu chính đáng, tuy nhiên nếu một người có nhu cầu vật chất lớn, vượt quá khả năng đáp ứng của bản thân, gia đình thì họ rất dễ lựa chọn cách thức thỏa mãn nhu cầu là nảy sinh ý định thực hiện hành vi phạm tội XPSH.

Bốn là, sai lệch trong ý thức pháp luật. Những sai lệch trong ý thức pháp luật cũng có thể là một trong những yếu tố tác động trong cơ chế làm phát sinh tội phạm. Mỗi cá nhân đều có quan điểm, thái độ, nhận thức riêng đối với pháp luật, thực tiễn áp dụng pháp luật, đối với cơ quan bảo vệ pháp luật,... Người có ý định thực hiện hành vi phạm tội XPSH thường không hiểu biết hoặc hiểu biết rất ít, hiểu biết mơ hồ về pháp luật hoặc nhận biết được hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì do quá tự tin nên đối tượng cố tình thực hiện đến cùng tội phạm vì nghĩ rằng hành vi phạm tội của mình sẽ không bị phát hiện và xử lý ...

2.2.2. Nguyên nhân và điều kiện thuộc quá trình tương tác xuất tâm

Quá trình tiếp theo của cơ chế hành vi phạm tội đó là quá trình tương tác xuất tâm, gồm khâu kế hoạch hóa và hiện thực hóa hành vi phạm tội.

Kế hoạch hóa hành vi là bước chuẩn bị cho việc thực hiện hành vi. Chủ thể xác định mục đích trực tiếp, đối tượng tác động, phương tiện, địa điểm, thời gian thực hiện, phương thức giải quyết hậu quả mà mình gây ra. Ở bước này, chủ thể chuẩn bị cả điều kiện vật chất và điều kiện tinh thần cho việc thực hiện hành vi. Còn hiện thực hóa hành vi là bước chủ thể trực tiếp thực hiện hành vi bằng các hành động cụ thể. Những yếu tố thuộc nguyên nhân và điều kiện tác động đến bước chuẩn bị và thực hiện hành vi của quá trình tương tác xuất tâm được phân loại dựa trên việc lấy chủ thể thực hiện hành vi phạm tội làm trung tâm như sau:

- Nguyên nhân và điều kiện chủ quan

Yếu tố được xem là nguyên nhân và điều kiện chủ quan của quá trình tương tác xuất tâm đó là xuất phát từ sự kiên quyết của chủ thể hành vi phạm tội. Từ những yếu tố tiêu cực của môi trường sống đã chuyển thành các yếu tố tiêu cực của chủ thể hành vi phạm tội. Khi đó, chủ thể hành vi phạm tội XPSH thường có nhu cầu về vật chất cao hơn khả năng vốn có của bản thân, xem thường quyền sở hữu của người khác, thích ăn chơi, lười lao động; xem thường pháp luật, hạn chế về khả năng nhận thức, khả năng kiềm chế hành vi... dẫn tới việc quyết tâm thực hiện hành vi phạm tội.

- Nguyên nhân và điều kiện khách quan

Thứ nhất, nguyên nhân xuất phát từ nạn nhân của các tội phạm XPSH. Trong những điều kiện không gian và thời gian nhất định hoặc trong các mối quan hệ nhất định với những người có khả năng phạm tội, những lối sống và thói quen nhất định là những yếu tố quan trọng có thể làm tăng khả năng trở thành nạn nhân của tội phạm.

Thứ hai, sự yếu kém của các cơ quan chức năng trong việc phát hiện và ngăn chặn tội phạm. Các cơ quan bảo vệ pháp luật, nhất là cơ quan Công an. Cơ quan Công an có trách nhiệm tiếp nhận các tin báo tố giác về tội phạm, điều tra làm rõ các tình tiết của vụ án nhằm xử lý nghiêm minh, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên trong thực tế, vì nhiều nguyên nhân, việc tiếp nhận tin báo, điều tra làm rõ các tình tiết của vụ án chưa được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả điều này làm giảm sự nghiêm minh của pháp luật, làm suy giảm niềm tin của quần chúng nhân dân vào các cơ quan bảo vệ pháp luật, từ đó mà các đối tượng phạm tội có tâm lý coi thường pháp luật... yếu tố này đã tác động khiến cho tình hình các tội XPSH diễn biến theo chiều hướng tiêu cực hơn.

Thứ ba, sự thờ ơ của xã hội. Nguyên nhân, điều kiện này được hiểu là tính tích cực của người dân, việc xác định trách nhiệm của bản thân đối với xã hội còn thấp hoặc không có. Điều này được thể hiện qua lối sống ích kỷ chỉ biết sống cho riêng mình, sợ va chạm, sợ rước họa vào thân, đề cao chủ nghĩa cá nhân, “đèn nhà ai nấy sáng”... đã tạo điều kiện cho những cái xấu, cái ác tồn tại như một hiện tượng xã hội tự nhiên, các băng nhóm tội phạm có cơ hội nổi lên và không ngừng mở rộng phạm vi hoạt động của mình làm gia tăng số vụ và số nạn nhân của tội phạm XPSH.

Thứ tư, các nguyên nhân và điều kiện khách quan khác bên ngoài môi trường sống làm phát sinh các tội XPSH. Thời gian và địa điểm là hai yếu tố có ý nghĩa quan trọng trong nhiều trường hợp. Chẳng hạn như: các tội trộm cắp tài sản thường diễn ra vào ban đêm hay buổi trưa vắng vẻ; các đối tượng thực hiện hành vi cướp, cướp giật tài sản thường chọn những khu vực ít người qua lại... Yếu tố nghề nghiệp cũng đóng vai trò quan trọng trong quá trình nạn nhân hóa nhóm tội này. Những người hành nghề lái xe ôm, taxi; kinh doanh vàng, bạc; kinh doanh hàng hóa đắt tiền...thường là mục tiêu nhắm đến của các đối tượng XPSH.

2.3. Mối quan hệ giữa nạn nhân với người phạm tội trong các tội xâm phạm sở hữu

Theo học giả Hans Joachim Schneider cho rằng, mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội cũng có vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình nạn nhân hóa. Các mối quan hệ xã hội có thể được chia thành các nhóm sau: Các mối quan hệ gần gũi (gia đình, bạn tình); các mối quan hệ bạn bè thân thiết; các mối quan hệ quen biết (bạn bè, hàng xóm, láng giềng, công tác, hành chính, cộng đồng); các mối quan hệ mới thiết lập và các mối quan hệ không quen biết (các mối quan hệ hoàn toàn xa lạ). [tr.99]

Tùy theo đặc trưng của những tội phạm khác nhau cũng như tâm lý người phạm tội. Một số loại tội phạm, người phạm tội thường lợi dụng các

mối quan hệ quen biết để thực hiện hành vi phạm tội. Đối với các loại tội này, những người có các mối quan hệ quen biết đặt trong một số điều kiện thuận lợi khác sẽ rất dễ bị hành vi phạm tội xâm hại. Ví dụ: tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản hay tội cưỡng đoạt tài sản. Người phạm tội thường nhắm đến những người quen biết, háms lợi, đams mê vật chất, thích đua đòi... để thực hiện hành vi phạm tội. Đó là vì ở những tội này, các mối quan hệ quen biết là yếu tố vô cùng thuận lợi để người phạm tội dễ dàng tiếp cận nạn nhân để thực hiện hành vi phạm tội. Ngược lại, một số loại tội, người phạm tội lại thường nhắm đến những người không quen biết để thực hiện hành vi phạm tội như các tội cướp tài sản, cướp giạt tài sản hay trộm cắp tài sản. Điển hình vào khoảng 2h00 ngày đầu tháng 10/2013, tên Trọng chở tên Tuấn (Tèo ba dê) bằng xe Dream biển số 61S4-1985, tên Đạt chở tên Hận bằng xe Wave màu xanh, mang theo 01 cây mã tấu tự chế, đi đến đường Nguyễn Ảnh Thủ gần chợ Hiệp Thành, P. Hiệp Thành, Q.12, phát hiện anh Nguyễn Mạnh Hòa - SN: 1992 (ngụ: nhà không số KP7, P. Hiệp Thành, Q.12, đi một mình bằng xe Airblade biển số: 52P2-9101. Thấy vậy bọn chúng chạy kè sát, dùng cây mã tấu tự chế chém vào tay, làm anh Hòa té xuống đường, hoảng sợ bỏ xe chạy bộ, bọn chúng cướp xe chạy thẳng về quán cà phê lề đường, gần nhà tên Trọng, đến sáng bọn chúng đem bán chiếc xe trên cho chủ tiệm vật liệu xây dựng trên khu bờ kênh 26/3 Quận Gò Vấp được 6.000.000đ chia nhau tiêu xài.

Sở dĩ như vậy là vì các chủ thể của các loại tội này luôn mong muốn thực hiện hành vi phạm tội một cách nhanh chóng và ít bị phát hiện nhất để có thể che giấu tội phạm. Vì vậy, khi thực hiện hành vi phạm tội với những người xa lạ thì khả năng che giấu tội phạm sẽ cao hơn. Nếu thực hiện hành vi phạm tội với những người quen biết thì khả năng hành vi phạm tội bị phát hiện sẽ là rất cao. [tr.53, 54] Vào khoảng 12h00 ngày 15/9/2013, tên Trọng

chở tên Lượm bằng xe Future biển số 66L5-8133, đi đến gần trường THPT Nguyễn Hữu Tiến, xã Đông Thạnh, huyện Hóc Môn thì phát hiện một người đàn ông say xỉn đang nằm trên lề đường và dựng chiếc xe máy hiệu Wave màu đỏ có cắm sẵn chìa khóa. Thấy vậy bọn chúng lấy trộm chiếc xe máy rồi nhanh chóng tẩu thoát đem bán cho tên Lê Đồng Thuận (Tý anh) SN: 1989 (ngụ: 1/22 Ấp 2 Đông Thạnh, Hóc Môn) được 2.000.000đ chia nhau tiêu xài.

Theo học giả Marvin E. Wolfgang cho rằng, không phải bất kỳ tội phạm nào, giữa nạn nhân của tội phạm và người phạm tội cũng có mối quan hệ với nhau. Ngoại trừ trường hợp nạn nhân và người phạm tội không quen biết thì trường hợp giữa nạn nhân và người phạm tội quen biết có biểu hiện rất đa dạng, phức tạp. Quan hệ đó có thể là quan hệ gia đình họ hàng, quan hệ hôn nhân, quan hệ tín ngưỡng, quan hệ công tác, quan hệ giữa người chủ và người làm thuê, quan hệ thầy trò, quan hệ bạn bè... Nghiên cứu về mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội, các nhà tội phạm học đã thống kê được rằng, tỷ lệ số vụ phạm tội mà nạn nhân và người phạm tội quen biết nhau chiếm tỷ lệ không nhỏ. Trong điều tra vụ án hình sự, xác định mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội đóng vai trò quan trọng. Cụ thể là khi vụ án xảy ra mà chưa xác định được thủ phạm, thông thường cán bộ điều tra phải tìm hiểu, xác minh các mối quan hệ của nạn nhân để từ đó truy tìm thủ phạm, đặc biệt là các mối quan hệ đang tồn tại vào thời điểm phát sinh tội phạm. Trong quá trình sàng lọc đối tượng, trên cơ sở thông tin đã thu thập, cán bộ điều tra có thể phát hiện ra người phạm tội. Ví dụ: thông qua việc tìm hiểu các mối quan hệ tình cảm, hoạt động kinh doanh của nạn nhân để tìm hiểu tại sao nạn nhân bị mất mát tài sản trong vụ án trộm cắp, lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong một số vụ án, tìm hiểu mối quan hệ giữa nạn nhân và người thực hiện tội phạm có thể xác định được những lý do thúc đẩy hoặc hỗ trợ, tạo điều kiện cho tội phạm được thực hiện. Ví dụ: qua tìm hiểu các mối quan hệ của nạn

nhân có thể xác định được thủ phạm của vụ trộm cắp tài sản là người giúp việc cho nạn nhân... Trong quan hệ với người quen, người thân, nhiều người đã có thái độ, hành vi không đúng mức như bất cần hoặc lợi dụng sự nhẹ dạ, cả tin... Những biểu hiện này trong một số trường hợp cụ thể đều có ảnh hưởng nhất định đến việc phát sinh tội phạm. Cụ thể là sự thiếu thận trọng, bất cẩn trong xử sự giữa những người quen biết có thể là nguyên nhân phát sinh một số tội như trộm cắp tài sản, cướp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản,... Sự không tôn trọng người khác cư xử thô bạo đối với người quen, người thân có thể là nguyên nhân dẫn đến phát sinh tội bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản... Thái độ nhẹ dạ, cả tin đối với người quen có thể là nguyên nhân dẫn đến phát sinh tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Trong thời gian qua các đối tượng phạm tội thường lợi dụng mạng xã hội để tiếp cận hoặc giả danh công an điều tra vụ án, giả danh trai ngoại quốc để lừa tình, lừa tiền chị em phụ nữ, hoặc đánh cắp tài khoản Facebook, zalo, viber, skype... để lừa nạp thẻ cào hay quảng cáo làm bằng cấp, chứng chỉ giả qua mạng xã hội là các thủ đoạn mà bọn tội phạm công nghệ cao thường sử dụng để chiếm đoạt tài sản của những người nhẹ dạ, cả tin.

Nghiên cứu về mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội và nhất là tình huống họ trở thành nạn nhân của tội phạm có thể giúp tìm ra nguyên nhân của tội phạm cũng như xây dựng giải pháp phòng ngừa tội phạm phù hợp, kịp thời cảnh báo ngăn chặn khả năng cá nhân có thể trở thành nạn nhân của tội phạm. Trên cơ sở nghiên cứu về những mẫu điển hình, được lựa chọn tương đối ngẫu nhiên, nhà tội phạm học sẽ thống kê, cố gắng làm sáng tỏ nguyên nhân thúc đẩy tội phạm được thực hiện, điếm chung của nguyên nhân những vụ phạm tội đó, quy luật phạm tội của người phạm tội để từ đó tìm ra giải pháp phòng ngừa phù hợp, sát thực tế.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 của luận văn tập trung phân tích làm rõ thực trạng của tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Qua nghiên cứu cho thấy tình hình các tội phạm XPSH trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017 diễn biến hết sức phức tạp, tuy có giảm so với giai đoạn trước về số vụ phạm tội nhưng mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội ngày càng tăng. Nguyên nhân của tình trạng trên xuất phát từ nhiều yếu tố như: môi trường gia đình, nhà trường, xã hội... thậm chí phần lớn nguyên nhân và điều kiện xuất phát từ phía các nạn nhân. Các nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm trên địa bàn thành phố đã được tác giả phân tích, làm rõ dựa trên các tài liệu, số liệu thống kê để đưa ra kết luận phù hợp nhất. Từ những lập luận, nhận định về nạn nhân của các tội XPSH trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được trình bày ở Chương 2 sẽ là cơ sở để tác giả đi sâu nghiên cứu và đưa ra các giải pháp phòng ngừa loại tội phạm này từ góc độ của nạn nhân ở Chương 3 của luận văn.

Chương 3

HOẠT ĐỘNG PHÒNG NGỪA CÁC TỘI XÂM PHẠM SỞ HỮU TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ GÓC ĐỘ NẠN NHÂN CỦA TỘI PHẠM

3.1. Nhận thức về phòng ngừa tội phạm từ phía nạn nhân

Phòng ngừa tội phạm là đối tượng nghiên cứu quan trọng và cũng là mục đích cuối cùng của quá trình nghiên cứu về tội phạm trong tội phạm học. Tội phạm học nghiên cứu các vấn đề khác nhau về tội phạm như tình hình tội phạm, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm, nhân thân người phạm tội hay nạn nhân của tội phạm... tất cả những vấn đề đó đều nhằm mục đích xây dựng nên một hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội phạm một cách hiệu quả nhất, hạn chế và tiến tới loại trừ tình hình tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

Nghiên cứu mối quan hệ giữa nạn nhân với công tác phòng ngừa tội phạm phải luôn gắn liền với nhau không được tách rời mục đích chung đó. Các đặc điểm nhân thân của nạn nhân có vai trò ảnh hưởng nhất định, là nguyên nhân và điều kiện của một số tội phạm cụ thể. Do đó, việc tìm ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm gắn với nạn nhân sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội phạm đầy đủ và toàn diện hơn.

Quan điểm phòng ngừa tội phạm nói chung và phòng ngừa tội phạm ở khía cạnh nạn nhân nói riêng là hướng tới việc loại bỏ các nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm. Bên cạnh đó, khía cạnh nạn nhân của tội phạm là một bộ phận trong nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cho nên biện pháp phòng ngừa tội phạm xuất phát từ khía cạnh nạn nhân phải nằm trong hệ thống các biện pháp phòng ngừa tội phạm nói chung. Biện pháp này có thể được tiến hành độc lập hay phối hợp với nhiều biện pháp khác.

Nếu căn cứ vào phạm vi, mức độ tác động của các biện pháp phòng ngừa tội phạm thì có thể chia các biện pháp phòng ngừa tội phạm làm ba loại:

- Biện pháp phòng ngừa chung đối với tình hình tội phạm là những biện pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện chung của tình hình tội phạm, hạn chế khả năng phát sinh nhiều loại tội phạm.

- Biện pháp phòng ngừa tội phạm là những biện pháp tác động căn bản đến một hoặc một số lĩnh vực, loại trừ nguyên nhân và điều kiện quan trọng của một loại tội phạm, hạn chế khả năng làm phát sinh loại tội phạm đó.

- Biện pháp phòng ngừa tội phạm cụ thể là những biện pháp tác động đến từng cá nhân và loại trừ tình huống phạm tội của một tội phạm cụ thể.

Các biện pháp phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu từ phía nạn nhân là các biện pháp phòng ngừa tội phạm cụ thể, hay còn gọi là các biện pháp phòng ngừa riêng, nó có tác dụng tác động đến nạn nhân của các loại tội phạm này nhằm hạn chế và dần đi đến loại trừ các tình huống hoàn cảnh thuận lợi cho việc thực hiện tội phạm do chính nạn nhân tạo ra hoặc do các yếu tố gắn liền với nạn nhân tạo thành (hay còn gọi là yếu tố nạn nhân) có vai trò là một dạng nguyên nhân, điều kiện của tội phạm này.

Hiện nay, các biện pháp phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu từ phía nạn nhân hiện nay chủ yếu vẫn là các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, giúp đỡ của nhiều chủ thể khác nhau trong xã hội tác động đến những người có thể trở thành nạn nhân của tội phạm trên nhằm nâng cao ý thức cho mọi người về tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm xâm phạm sở hữu, về vai trò của yếu tố nạn nhân trong cơ chế hành vi phạm tội và tầm quan trọng của các biện pháp phòng ngừa từ nạn nhân của tội phạm, từ đó giúp bản thân họ tự thực hiện các biện pháp cụ thể hơn, thiết thực hơn để phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu, tự bảo vệ tài sản của mình, loại trừ những khả năng có thể làm cho chính bản thân mình trở thành nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu.

Tuy nhiên, chưa có một hệ thống đa dạng các tổ chức giúp đỡ những người có đặc điểm nhân thân có nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm, ngoài các đối tượng như phụ nữ, trẻ em, người già neo đơn, không nơi nương tựa, còn có nhân chứng của tội phạm, những người làm những ngành nghề tiềm ẩn khả năng trở thành nạn nhân của tội phạm cũng cần được bảo vệ. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật Việt Nam đã có quy định nhưng chưa thật đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ hay tăng nặng trách nhiệm hình sự thuộc về nạn nhân làm căn cứ giải quyết đúng đắn các vụ án hình sự trong các trường hợp phạm tội có lỗi của nạn nhân, hoặc trách nhiệm tố giác tội phạm của nạn nhân để tăng cường phát hiện, xử lý và kiểm soát tội phạm; các quyền của nạn nhân, của nhân chứng trong hoạt động tố tụng... làm giảm hiệu quả phòng ngừa tội phạm.

3.2. Tăng cường vai trò chủ thể trong hoạt động phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu

Hoạt động phòng ngừa tội phạm ở nước ta trong thời gian qua luôn được các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể, chính trị, xã hội, chính quyền nhân dân từ Trung ương đến địa phương đặc biệt quan tâm và coi đây là nhiệm vụ trọng tâm cần phải ưu tiên hàng đầu trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trong tình hình mới. Cụ thể, Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP, ngày 31/7/1998 của Chính phủ về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; Chỉ thị số 48-CP/TW, ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”; Quyết định số 282/QĐ-TTg, ngày 24/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW và Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2011-2015 là cơ sở quan trọng để cho từng địa phương xây dựng kế hoạch, mục tiêu, chương trình hành động cụ thể và định hướng cho hoạt động phòng ngừa tội phạm nói chung và phòng ngừa tội

phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Ngay khi có Nghị quyết 09 và Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm Chính phủ đã thành lập Ban chỉ đạo 138/CP nhằm giúp Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành, tổ chức đoàn thể từ Trung ương đến các địa phương trong việc tổ chức thực hiện. Kết quả đạt được sau 20 năm thực hiện Nghị quyết 09/CP (1998-2018), Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm đó là:

- Đã phát huy được sức mạnh tổng hợp trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân (các ngành, các cấp và các tổ chức đoàn thể và quần chúng nhân dân) tạo bước chuyển biến cơ bản nhận thức của toàn xã hội về trách nhiệm, quyền lợi phải luôn gắn liền với nghĩa vụ cần thực hiện trong công tác đấu tranh phòng, chống các tội phạm trong nước và ngoài nước.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, cơ quan, doanh nghiệp đã xác định rõ hơn trách nhiệm của mình trong công tác quản lý nhà nước về an ninh chính trị cần phải được giữ vững, trật tự an toàn xã hội cần phải được tích cực duy trì và bảo đảm công tác sẵn sàng chiến đấu.

- Để cho hoạt động phòng ngừa tội phạm thực sự mang lại hiệu quả cao nhất thì không thể tách rời trách nhiệm của từng cá nhân đối với gia đình, cơ quan, tổ chức và xã hội. Bởi vì, mỗi cá nhân trong xã hội cũng đều là đối tượng tác động của hành vi phạm tội, đó có thể là tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản,... mà việc mỗi cá nhân tự ý thức cảnh giác, luôn không ngừng học hỏi, nâng cao sự hiểu biết về pháp luật, kịp thời nắm bắt được các phương thức thủ đoạn phạm tội mới của các loại tội phạm. Đồng thời trang bị những kỹ năng cơ bản trong việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản của chính mình và người thân trong gia đình là biện pháp phòng ngừa hữu hiệu nhất. Có như thế mới tạo thế chủ động trong hoạt động phòng ngừa tội phạm, loại bỏ các nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội phạm, xây dựng và hình thành một hệ thống các biện pháp phòng ngừa có hiệu quả với cơ chế

phối hợp chặt chẽ phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và sức mạnh của toàn xã hội.

- Thông qua việc đánh giá, tổng kết Nghị quyết 09/CP và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm trong thực tiễn gần 20 năm qua trong hoạt động phòng ngừa tội phạm, chúng ta có thể thấy rằng các biện pháp phòng ngừa tội phạm từ khía cạnh nạn nhân của tội phạm nói chung và từ khía cạnh nạn nhân của các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đang có sự quan tâm và đầu tư đúng mức từ các cấp có thẩm quyền nhằm giúp cho quần chúng nhân dân nâng cao ý thức cảnh giác trong việc bảo vệ tài sản của bản thân, gia đình hoặc của các cơ quan, tổ chức đem lại sự an tâm cho nhân dân trên địa bàn thành phố. Từ đó, tạo tiền đề vững chắc cho công cuộc xây dựng và phát triển thành phố Hồ Chí Minh trở thành một trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, du lịch, dịch vụ đứng đầu Việt Nam, là hòn ngọc của Biển Đông xứng tầm trong khu vực và thế giới.

Để có được những kết quả đó, trước hết đòi hỏi cần phải có sự nỗ lực của các cấp chính quyền trong việc không ngừng sáng tạo, đổi mới tư duy về công tác điều hành, quản lý các lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội. Trong đó, việc áp dụng nhiều biện pháp phòng ngừa tội phạm có hiệu quả cần phải được chú trọng và ưu tiên hàng đầu nhằm ổn định trật tự an toàn xã hội, tập trung phát triển kinh tế, thu hút ngày càng nhiều nhà đầu tư và du khách quốc tế đến với thành phố Hồ Chí Minh trong tương lai. Muốn hoạt động phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu từ khía cạnh nạn nhân của tội phạm trên địa bàn có hiệu quả, chúng ta cần có những biện pháp trước mắt và lâu dài cụ thể:

Một là, phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu ở khía cạnh nạn nhân trong phong trào vận động quần chúng nhân dân tham gia phát hiện tố giác tội phạm: vận động quần chúng tham gia phát hiện tố giác tội phạm là một biện pháp phòng ngừa được đề cập trong Chương trình quốc gia về phòng chống

tội phạm, Nghị quyết số 09/CP và Chỉ thị số 48-CT/TW. Đây được xem là biện pháp có tầm quan trọng hàng đầu trong việc xây dựng chương trình phòng chống tội phạm trên phạm vi cả nước vì nó đem lại những hiệu quả rất thiết thực cho hoạt động phòng ngừa tội phạm. Hiệu quả của hoạt động phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu từ khía cạnh nạn nhân phụ thuộc vào hành động tố giác tội phạm của chính nạn nhân. Thông qua việc tố giác tội phạm của nạn nhân sẽ giúp cho công tác điều tra, phát hiện và truy tố người phạm tội được nhanh chóng và hiệu quả hơn. Mặt khác, việc nạn nhân tích cực, chủ động trong việc tố giác tội phạm xâm phạm sở hữu giúp cho cơ quan chức năng áp dụng các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi phạm tội nhằm loại bỏ các nguyên nhân và điều kiện của tội phạm từ phía nạn nhân, đồng thời nắm bắt tình hình phương thức, thủ đoạn hoạt động của loại tội phạm này để kịp thời tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức phòng ngừa tội phạm này.

Hai là, triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn đông dân cư, trong từng hộ gia đình, trong các cơ sở giáo dục, kinh doanh, sản xuất, dịch vụ, các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội. Trong những năm qua, nhận thấy được tính nguy hiểm của tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố ngày càng tăng cả về số vụ phạm tội lẫn tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội đòi hỏi các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương đã triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa tội phạm này trong toàn xã hội. Trên cơ sở các văn bản của Đảng và Nhà nước trong công tác phòng, chống tội phạm được các chính quyền cơ sở cụ thể hóa trong các kế hoạch cụ thể của địa bàn cơ sở đem lại những kết quả đáng kể cho hoạt động phòng ngừa loại tội phạm này.

Ba là, nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa tội phạm của các cơ quan chuyên môn, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chuyên môn với các cơ quan khác, các tổ chức quần chúng trong phòng ngừa tội phạm. Các cơ quan

chuyên môn bao gồm: Công an, Tòa án, Viện Kiểm sát,... đó là những cơ quan đóng vai trò nòng cốt, chủ động, tích cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn, kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý và ngăn ngừa tội phạm xảy ra. Một số nơi đã mở hòm thư tố giác tội phạm, thông báo số điện thoại nóng công khai để quần chúng nhân dân kịp thời cung cấp tình hình tội phạm, duy trì thường xuyên chế độ trực chiến, trực gác và trực chiến đấu ở công an các đơn vị cơ sở. Để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, ngành Kiểm sát đã triển khai nghiên cứu một số chuyên đề nhằm tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm phòng ngừa tội phạm từ những vụ việc cụ thể để nhân rộng ra cho toàn xã hội. Tòa án cũng thường xuyên tổ chức xét xử công khai đối tượng trong các vụ án xâm phạm sở hữu có tính chất nguy hiểm, phương thức, thủ đoạn tinh vi gây thiệt hại lớn cho xã hội mang tính tuyên truyền, giáo dục và răn đe. Tổ chức nghiên cứu các chuyên đề và phân tích nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu thông qua các vụ án đã thụ lý và xét xử nhằm đưa ra những biện pháp phòng ngừa tội phạm này một cách thiết thực và hiệu quả. Cơ quan công an với vai trò là lực lượng chủ chốt trong hoạt động phòng ngừa tội phạm đã luôn có những hoạt động tích cực nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện việc phòng ngừa tội phạm như các hoạt động đã nêu ở trên. Các cơ quan thực thi pháp luật trên địa bàn thành phố phải thường xuyên cập nhật tin tức, tổ chức các cuộc họp giao ban trong ngành và liên ngành về công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm sở hữu, cùng nhau phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong công tác ngăn ngừa loại tội phạm này đến mức thấp nhất. Qua đó tổ chức lồng ghép kinh nghiệm thực tiễn công tác đấu tranh vào trong hệ thống lý luận để đi sâu phân tích, nghiên cứu và đề ra các biện pháp hữu hiệu cũng như tạo đà cho việc dự báo diễn biến tình hình tội phạm trên địa bàn trong những năm tiếp theo.

Bốn là, thường xuyên tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho quần chúng nhân dân về phương thức, thủ đoạn của tội phạm, trách nhiệm, tầm quan trọng của các biện pháp phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu từ phía nạn nhân trong hoạt động phòng ngừa. Qua những phân tích ở trên chúng ta nhận thấy rằng các cơ quan thực thi pháp luật như: Công an, Tòa án, Viện Kiểm sát trong phạm vi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình đã được thực hiện lồng ghép việc tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho nhân dân về phương thức, thủ đoạn của tội phạm và đề ra các biện pháp phòng ngừa hiệu quả. Bên cạnh nỗ lực của các cơ quan chức năng thì chúng ta không thể nhắc đến vai trò to lớn của các phương tiện truyền thông đại chúng như: đài phát thanh, đài truyền hình, báo, tạp chí, mạng internet, mạng xã hội trong việc tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho quần chúng nhân dân trong việc phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu. Biện pháp này là biện pháp tuyên truyền nhanh chóng, chính xác, hiệu quả và thiết thực nhất đến mọi tầng lớp nhân dân, phần nào tác động mạnh vào ý thức của người dân trong việc phòng ngừa tội phạm nói chung và tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố.

Năm là, áp dụng thành tựu khoa học kỹ thuật vào trong hoạt động phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu. Trong những năm trở lại đây, tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố diễn ra hết sức phức tạp với nhiều phương thức, thủ đoạn rất tinh vi. Vì vậy, việc áp dụng các phương tiện khoa học kỹ thuật vào công tác phòng ngừa loại tội phạm này được cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp... đặc biệt quan tâm chú ý và thực hiện ngày càng phổ biến mang lại hiệu quả to lớn. Hệ thống camera quan sát được gắn ở nhiều nơi, từ những tuyến đường lớn, địa bàn trọng điểm về an ninh trật tự đến những con hẻm nhỏ trên địa bàn thành phố đã được quần chúng nhân dân và các cấp chính quyền tổ chức lắp đặt và đưa vào hoạt động. Các loại thiết bị

này hoạt động 24/24 và không bị gián đoạn ngay cả khi mất điện. Hệ thống này đang được các cơ quan chức năng tuyên truyền, phổ biến rộng rãi cho nhiều ngân hàng để tránh tình trạng đột nhập trộm cắp tài sản ở ngân hàng hoặc các trụ ATM. Ngoài những thiết bị kỹ thuật thông thường mà các đối tượng có thể vô hiệu hóa được thì các cơ quan chức năng cũng thường xuyên cải tiến, sử dụng những loại thiết bị mới, tiên tiến và hiện đại hơn để các đối tượng không thể dễ dàng tháo gỡ hoặc phá bỏ được, đảm bảo cho công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh và ngăn chặn kịp thời các loại tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn đem lại kết quả cao nhất.

Sáu là, quần chúng nhân dân luôn tích cực và chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu nhằm giảm nguy cơ trở thành nạn nhân của loại tội phạm này trong thời gian gần đây. Ngoài các biện pháp nghiệp vụ do các cơ quan chức năng áp dụng nhằm đảm bảo an ninh trật tự, hạn chế tình hình tội phạm xảy ra trên địa bàn mình quản lý thì các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp cũng luôn quan tâm hơn trong việc củng cố công tác bảo vệ tài sản, tăng cường lực lượng bảo vệ, tổ chức tuần tra, kiểm soát vào ban đêm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và phòng ngừa các vụ trộm cắp tài sản. Tại các địa bàn dân cư các cấp chính quyền đã không ngừng phát động phong trào tự quản trong quần chúng nhân dân được đẩy mạnh nhằm hỗ trợ lẫn nhau trong việc bảo vệ tài sản, nhất là đối với các gia đình thường xuyên vắng nhà không có người trông coi. Các nạn nhân cũng như người chứng kiến vụ việc bị tội phạm xâm phạm sở hữu gây thiệt hại đã có ý thức tố giác hành vi phạm tội lên các cơ quan cấp có thẩm quyền để kịp thời ngăn chặn và xử lý.

Bên cạnh những mặt tích cực đã đạt được thì hoạt động phòng ngừa tội phạm trộm cắp tài sản vẫn chưa phát huy được hết vai trò, hiệu quả trên thực tế là do còn một số mặt hạn chế như sau:

- Hoạt động của các cơ quan chuyên môn với vai trò là lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện các hoạt động phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn vẫn chưa thực sự quyết liệt, còn mang tính hình thức. Vấn đề nghiên cứu lý luận và áp dụng các biện pháp đó vào trong thực tiễn chưa được quan tâm đúng mức, có thái độ thờ ơ, bỏ ngỏ, ít được chú trọng. Thực tế cho thấy chúng ta không thể đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả nếu không tìm ra được các nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình tội phạm để có biện pháp tác động phù hợp. Do đó, công tác nghiên cứu lý luận thường phải đi trước một bước để cung cấp những luận cứ khoa học làm cơ sở cho việc dự báo tình hình diễn biến của tội phạm, hoạch định các chủ trương, định hướng mục tiêu nhiệm vụ và đưa ra các giải pháp thực hiện có hiệu quả.

- Việc triển khai các biện pháp phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu được thực hiện một cách đồng bộ, sâu rộng trên địa bàn cả nước nhưng thực tế chỉ có một số địa phương thực hiện có hiệu quả, có sự sáng tạo trong cách làm, có sự chuyển biến tích cực trong công tác phòng ngừa tội phạm. Một số địa phương vẫn còn thụ động, thực hiện một cách máy móc, thiếu sự sáng tạo trong khi áp dụng các biện pháp ở những địa phương khác vào tình hình thực tiễn tại địa phương mình nên chưa đem lại hiệu quả cao. Công tác tuyên truyền được áp dụng phổ biến ở những thành phố lớn, nơi tập trung đông dân cư sinh sống còn ở những vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn hẻo lánh, vùng biên giới, hải đảo... vẫn còn nhiều mặt hạn chế, người dân chưa nhận thức sâu sắc vấn đề mà Đảng và Nhà nước đưa ra nên hiệu quả của việc tuyên truyền chưa như mong muốn.

- Việc áp dụng khoa học kỹ thuật vào hoạt động phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu vẫn chưa mang lại kết quả cao nhất. Thực tiễn tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh diễn biến rất phức tạp với phương thức, thủ đoạn ngày càng tinh vi và liều lĩnh. Vì vậy,

mỗi cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp... không nên ỷ lại vào các thiết bị kỹ thuật đã được trang bị để có tư tưởng chủ quan, lơ là, mất cảnh giác trong việc bảo vệ tài sản mà chỉ xem đó như là một công cụ, phương tiện hỗ trợ mình trong việc quản lý tài sản. Đồng thời phải biết kết hợp giữa thành tựu khoa học kỹ thuật với sự chủ động, tích cực phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu từ chính các nạn nhân của tội phạm này thì mới đem lại kết quả cao nhất.

3.3. Các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động phòng ngừa nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu

Các biện pháp phòng ngừa nhằm bảo vệ nạn nhân trong các tội xâm phạm sở hữu đã được áp dụng rộng rãi trên cả nước và một số địa phương điển hình trong công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, đặc biệt là trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Các cấp chính quyền và lực lượng nòng cốt trong công tác giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội đã không ngừng sáng tạo, tích cực đề ra một số giải pháp nhằm đem lại những kết quả thiết thực, cụ thể sau đây:

Thứ nhất, lực lượng Công an ở cơ sở cần phải phối hợp chặt chẽ với lực lượng bảo vệ dân phố tăng cường tuần tra cơ động ban đêm tại các khu vực “nóng” thường xảy ra các tội phạm xâm phạm sở hữu. Ngoài công tác tuần tra thì lực lượng chức năng cũng tích cực tuyên truyền cho các người dân, chủ doanh nghiệp, chủ tiệm vàng lắp đặt các thiết bị như: chuông báo động, camera quan sát, khóa chống trộm...kết hợp với công tác điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở bí mật, đặc tình và phối hợp với lực lượng Cảnh sát khu vực quản lý các đối tượng có tiền án tiền sự về các tội xâm phạm sở hữu, các đối tượng lưu manh chuyên nghiệp trên địa bàn và các đối tượng lạ mặt từ nơi khác đến một cách chặt chẽ hơn. Với vai trò là lực lượng nòng cốt trong công tác phòng ngừa tội phạm, lực lượng công an luôn chú trọng công tác tuyên truyền để cán bộ, nhân dân nắm bắt kịp thời các thủ đoạn hoạt động của tội

phạm, đề cao ý thức cảnh giác trong việc bảo vệ tài sản. Bên cạnh đó, lực lượng công an đã thường xuyên tăng cường xuống cơ sở gặp gỡ, tiếp xúc, trao đổi nắm bắt tình hình tại các tổ an ninh trật tự, các tổ bảo vệ dân phố, lực lượng bảo vệ các cơ quan, doanh nghiệp, đặc biệt là tại các địa bàn trọng điểm phức tạp nơi các loại tội phạm thường lợi dụng sơ hở trong việc bảo quản, trông coi tài sản để thực hiện hành vi phạm tội nhằm nâng cao ý thức cảnh giác cho quần chúng nhân dân. Ngoài ra, lực lượng công an còn tổ chức lực lượng cấm chốt thường xuyên tại các tuyến và địa bàn trọng điểm như: bến xe, nhà ga, chợ, trung tâm thương mại lớn... để tuyên truyền, khuyến cáo nhân dân đề cao cảnh giác, trước hết là tự bảo vệ tài sản của mình cũng là góp phần phòng ngừa tội phạm xảy ra trên địa bàn. Lực lượng công an ở một số nơi cũng tập trung triển khai đồng bộ nhiều biện pháp kết hợp giữa phòng ngừa nghiệp vụ với phòng ngừa xã hội, hướng dẫn doanh nghiệp triển khai các chương trình phối hợp trong công tác phòng, chống tội phạm; hướng dẫn doanh nghiệp làm tốt công tác tuyên truyền về phương thức hoạt động của bọn tội phạm cho cán bộ, nhân viên, công nhân trong doanh nghiệp, khuyến cáo cơ quan, doanh nghiệp đề cao cảnh giác, trước hết là tự bảo vệ tài sản của mình, nhân rộng các điển hình tiên tiến ở các cơ quan, xí nghiệp góp phần phòng ngừa tội phạm trên địa bàn, đảm bảo hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp phát triển ổn định. Các chủ doanh nghiệp cũng thường xuyên có sự trao đổi về tình hình an ninh trật tự với Cảnh sát khu vực để kịp thời phát hiện những sơ hở, thiếu sót từ đó hỗ trợ khắc phục, tránh để kẻ xấu lợi dụng để thực hiện tội phạm.

Thứ hai, không ngừng hoàn thiện hệ thống pháp luật về vai trò của yếu tố nạn nhân trong quá trình giải quyết vụ án hình sự xâm phạm sở hữu. Mục đích của hoạt động này là nhằm định hướng hành vi của cá nhân trong mối quan hệ giữa người với người, giữa cá nhân với cơ quan, tổ chức và hạn chế

các mâu thuẫn xã hội phát sinh có thể xảy ra do cách ứng xử không đúng chuẩn mực đạo đức xã hội của nạn nhân gây ra. Vì vậy, cần tăng cường các biện pháp tuyên truyền giáo dục pháp luật, ứng xử tích cực và ý thức cảnh giác cho mỗi cá nhân trên các phương tiện thông tin đại chúng. Tăng cường vai trò kiểm soát, giáo dục con người từ môi trường gia đình, nhà trường và các tổ chức xã hội để kịp thời uốn nắn các hành vi lệch lạc và lối sống không lành mạnh, đặc biệt là ở giới trẻ Việt Nam hiện nay. Phát huy vai trò hòa giải của các tổ chức hòa giải ở cơ sở để làm giảm những mâu thuẫn xã hội làm phát sinh hành vi tiêu cực tạo điều kiện cho tội phạm được thực hiện.

Thứ ba, mỗi cá nhân cần áp dụng các biện pháp đảm bảo các quy tắc an toàn của cuộc sống nhằm bảo vệ tài sản không bị xâm hại. Để thực hiện hoạt động này một cách có hiệu quả đòi hỏi mỗi người cần có thói quen tuân thủ các quy tắc bảo vệ tài sản, tính mạng và sức khỏe cho bản thân và gia đình như: khóa cửa cẩn thận trước khi đi ngủ hoặc đi làm, không để xe bừa bãi nơi công cộng mà không có người trông coi, không đeo trang sức có giá trị khi ra đường, tiến hành giao dịch mua bán phải tuân thủ đúng các quy trình quy định của pháp luật, tài sản cất giấu ở những nơi an toàn tránh nhiều người biết, nâng cao sự hiểu biết, cảnh giác cao độ không để các đối tượng lợi dụng lừa đảo chiếm đoạt tài sản, xác minh nhân thân người làm công hay giúp việc trước khi tuyển dụng, báo cáo với cơ quan có thẩm quyền các trường hợp cho tạm trú hay ngủ qua đêm, luôn cảnh giác với các chiêu trò của các đối tượng làm quen qua mạng xã hội, không cung cấp thông tin cá nhân một cách chân thật khi đăng ký các tài khoản mạng xã hội để các đối tượng lợi dụng để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người, thường xuyên tăng cường độ bảo mật của tài khoản ngân hàng và mạng xã hội ... để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và phòng ngừa tội phạm được nhanh chóng và có hiệu quả. Bên cạnh đó, cần khuyến khích sử dụng các phương tiện kỹ thuật trong công tác phòng ngừa

loại tội phạm này như: các loại ổ khóa chất lượng cao có hệ thống báo động, các loại kết sắt, số điện thoại khẩn cấp, lắp đặt hệ thống cảm biến từ để mở khóa xe, khóa nhà và định kỳ thay đổi hệ thống bảo mật của một số hệ thống chống trộm hiện đại khác nhằm vô hiệu hóa phương thức hoạt động của các loại tội phạm.

Đa số các vụ phạm tội xâm phạm sở hữu đều xuất phát từ sự cầu thả, chủ quan, mất cảnh giác, sự không tuân thủ các nguyên tắc an toàn cuộc sống của nạn nhân. Vì vậy, chúng ta cần phải nâng cao hiệu quả của việc tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức của người dân về phương thức, thủ đoạn, tính chất nguy hiểm của tội phạm xâm phạm sở hữu và tầm quan trọng của khía cạnh nạn nhân trong cơ chế hành vi phạm tội của tội phạm này. Đồng thời cũng tuyên truyền, giáo dục cho quần chúng nhân dân nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của các biện pháp phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu từ phía nạn nhân. Các cơ quan tiến hành tố tụng cần nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của mình trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và phối hợp với các tổ chức xã hội, các cơ quan truyền thông, báo chí... trong việc tuyên truyền các phương thức thủ đoạn mới của các loại tội phạm, đặc biệt là tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn để quần chúng nhân dân nâng cao ý thức cảnh giác trong công tác phòng ngừa loại tội phạm này. Bên cạnh đó, cần làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục vào trong các trường học thông qua các buổi sinh hoạt ngoại khóa, báo cáo chuyên đề nhằm trang bị cho lứa tuổi học sinh, sinh viên những kỹ năng sống ngoài những kiến thức mà các em đã được học trên sách vở, hạn chế rất nhiều nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu. Đây là biện pháp hữu hiệu có vai trò rất lớn trong việc tuyên truyền gián tiếp đến các bậc phụ huynh cần phải tập trung đầy mạnh trong thời gian tới.

Thứ tư, tăng cường việc tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nạn nhân trong việc tố giác tội phạm xâm phạm sở hữu. Thực tiễn công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã được phát hiện và xử lý chiếm tỷ lệ vô cùng nhỏ so với thực tế đang diễn ra. Vì vậy, để làm rõ bức tranh toàn cảnh của tình hình tội phạm ẩn đang được cả xã hội quan tâm và các ngành, các cấp chính quyền đặc biệt chú trọng xem đây là nhiệm vụ trọng tâm trước mắt và lâu dài, cần phải có những quyết sách cụ thể để làm rõ bức tranh của tình hình tội phạm trong thời gian tiếp theo. Muốn như vậy chúng ta phải làm tốt công tác vận động tuyên truyền, nâng cao ý thức của quần chúng nhân dân trong đấu tranh tố giác tội phạm, đặc biệt là nạn nhân của các tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn. Những người tố giác tội phạm là những người biết được tội phạm xảy ra, trong đó có nạn nhân của tội phạm. Nạn nhân không tố giác tội phạm sẽ góp phần làm cho tình hình tội phạm ẩn ngày càng gia tăng, người phạm tội không bị pháp luật xử lý, từ đó tạo nên tâm lý coi thường pháp luật của người phạm tội, tăng nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm ở những địa bàn và đối tượng khác. Do đó, sử dụng mọi biện pháp nhằm tăng cường khả năng tố giác tội phạm của nạn nhân cũng được coi là một biện pháp phòng ngừa tội phạm có hiệu quả. Trước hết phải chỉ ra được sự cần thiết và nghĩa vụ phải tố giác tội phạm của nạn nhân để cơ quan có thẩm quyền điều tra, xử lý. Muốn vậy, các cơ quan chính quyền cần phải trang bị đầy đủ các phương tiện, kênh thông tin, tuyên truyền như: hoạt động tiếp công dân, hộp thư nội bộ, số điện thoại khẩn cấp, trang thông tin điện tử... và cán bộ tiếp nhận thông tin, xử lý thông tin phải có trình độ chuyên môn cao, có đạo đức nghề nghiệp để tạo niềm tin cho người tố giác tội phạm. Các cơ quan tiếp nhận thông tin tố giác tội phạm như Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án, Ủy ban nhân dân... phải thực hiện nguyên tắc bảo mật

thông tin của người tố giác tội phạm và có biện pháp bảo vệ người tố giác, nếu như bị người phạm tội phát hiện hoặc trả thù. Biện pháp truy bắt “nóng” loại tội phạm này cũng được lực lượng CSND tiến hành có hiệu quả trong thời gian qua trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Thứ năm, cần có biện pháp bảo vệ những người có nguy cơ cao trở thành nạn nhân của tội phạm do chức vụ, nhiệm vụ được giao hoặc phải tham gia tố tụng trong các vụ án hình sự. Trước hết chúng ta cần áp dụng các biện pháp phòng ngừa tội phạm liên quan đến hai loại người có nguy cơ cao trở thành nạn nhân của tội phạm như: người thi hành công vụ trực tiếp đấu tranh với tội phạm và nhân chứng trong các vụ án hình sự.

Đối với những người thi hành công vụ cần nâng cao ý thức, trao đổi kinh nghiệm, tăng cường năng lực công tác cũng như không ngừng nâng cao sự hiểu biết về kiến thức pháp luật, tuân thủ các quy tắc nghề nghiệp, luôn tu dưỡng phẩm chất, đạo đức tốt, lối sống trong sạch lành mạnh... nhằm hạn chế những sai sót, thiếu công bằng trong khi giải quyết tình huống như việc sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, phương tiện bảo vệ, việc truy bắt tội phạm, hòa giải mâu thuẫn, tránh tình trạng quá khích hình thành động cơ phạm tội của người phạm tội. Mặt khác, cần tăng cường trang bị phương tiện bảo vệ an toàn cho người thi hành công vụ như vũ khí, phương tiện thông tin liên lạc, phương tiện đi lại, trang phục bảo vệ...

Đối với nhân chứng trong các vụ án hình sự: Đây là đối tượng có nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm từ hành vi làm chứng của họ trước cơ quan tiến hành tố tụng. Trong khi đó, chế độ pháp lý của nhân chứng trong Bộ Luật Tố tụng hình sự chủ yếu quy định nghĩa vụ của người làm chứng mà ít đề cập đến quyền và lợi ích của việc làm chứng. Do đó, trong rất nhiều vụ án hình sự khi được các cơ quan tiến hành tố tụng triệu tập để cung cấp thông tin vụ án thì thường không có mặt theo giấy triệu tập, bởi vì đa số họ sợ bị người

phạm tội hoặc thân nhân của người phạm tội trả thù, sợ gặp rắc rối, phiền hà trong công việc sau này. Thực tế không chỉ riêng bản thân người làm chứng mà những người thân thích của họ cũng bị đe dọa gây thiệt hại bởi hành động làm chứng của họ. Để đảm bảo sự có mặt của người làm chứng, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 66 BLTTHS về nghĩa vụ của người làm chứng như sau: “Có mặt theo giấy triệu tập của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Trường hợp cố ý vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan và việc vắng mặt của họ gây trở ngại cho việc giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử thì có thể bị dẫn giải...”. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng để nâng cao hiệu quả phòng ngừa tội phạm thông qua hoạt động làm chứng cần có cơ chế bảo vệ quyền và lợi ích của người làm chứng một cách chủ động hơn, trước hết là có biện pháp bảo đảm sự an toàn cho họ trước nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm trong thực tế. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có quy định tại điểm b Khoản 3 Điều 66 BLTTHS về quyền của người làm chứng như sau: “Yêu cầu cơ quan triệu tập bảo vệ tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản và quyền, lợi ích hợp pháp khác của mình, người thân thích của mình khi bị đe dọa” và điểm d khoản 3 Điều 66 BLTTHS quy định: “Được cơ quan triệu tập thanh toán chi phí đi lại và những chi phí khác theo quy định của pháp luật”. Thực tế khi xảy ra các trường hợp người làm chứng không nhận được sự hỗ trợ từ các cơ quan bảo vệ pháp luật vì lực lượng quá mỏng và phải đảm nhận nhiều nhiệm vụ khác nhau nên không thể bảo vệ kịp thời khi người làm chứng yêu cầu. Từ đó người làm chứng mang tâm lý hoang mang, lo sợ và không tin tưởng vào cơ quan pháp luật.

Thứ sáu, khuyến khích thành lập các tổ chức tư vấn, hỗ trợ giúp đỡ nạn nhân có nguy cơ cao trở thành nạn nhân của tội phạm như: công ty đào tạo vệ

sĩ, công ty bảo vệ, trung tâm tư vấn hỗ trợ kỹ năng phòng ngừa tội phạm, trung tâm trợ giúp pháp lý... Bên cạnh đó, cần phải có biện pháp hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ, giám sát, kiểm tra về mặt lựa chọn nhân sự có đầy đủ các phẩm chất, đạo đức, lối sống và tác phong làm việc nhanh nhẹn để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trở thành lực lượng tích cực trong công tác hỗ trợ lực lượng CAND tham gia phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua đang xuất hiện ngày càng nhiều những người phạm tội từng là vệ sĩ, chuyên viên tư vấn, lực lượng bảo vệ... trong các tổ chức, doanh nghiệp, người giúp việc trong gia đình. Nguyên nhân là do công tác tuyển chọn nhân sự chưa tuân thủ quy trình chặt chẽ, chưa có những khóa đào tạo cơ bản về kỹ năng phòng, chống tội phạm. Thời gian qua trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh lân cận hình thành một số nhóm “hiệp sĩ đường phố” mang tính tự phát hoạt động thường xuyên và liên tục đi tuần tra, kiểm soát tình hình an ninh trật tự trên địa bàn nhưng chưa nhận được sự hỗ trợ về chuyên môn nghiệp vụ của lực lượng CAND nên khi đối mặt với các loại tội phạm xâm phạm sở hữu có tính chất nguy hiểm, manh động và liều lĩnh thường hậu quả để lại rất nặng nề. Chính vì vậy, yêu cầu đặt ra cho các cấp chính quyền và cơ quan bảo vệ pháp luật trong thời gian tới là cần phải có một chế định cụ thể để đưa hoạt động của lực lượng này vào trong khuôn khổ pháp luật, có sự quản lý, chỉ đạo, lãnh đạo về chuyên môn, kỹ thuật của lực lượng CAND. Đồng thời tổ chức trang bị thêm kiến thức pháp luật, chuyên môn nghiệp vụ, khả năng tự vệ, kỹ năng phòng, chống tội phạm và quy định chế độ, mức phụ cấp phù hợp cho nhóm đối tượng này để đảm bảo hiệu quả hoạt động phòng ngừa tội phạm một cách triệt để hơn.

Thứ bảy, cần kết hợp nhiều biện pháp, đa dạng về nội dung và hình thức tuyên truyền của các cơ quan bảo vệ pháp luật về phong trào toàn dân

bảo vệ ANTQ với nhiều hình thức khác nhau và theo phương pháp “mở” giúp quần chúng nhân dân tự phòng ngừa, tự bảo vệ an ninh trật tự tại địa bàn dân cư mà mình sinh sống và nơi làm việc. Phương pháp này đã được nhiều cơ quan, tổ chức, trường học, doanh nghiệp triển khai thực hiện với nhiều cách làm mới, sáng tạo phù hợp với đặc điểm tình hình của đơn vị, địa phương góp phần tạo nên thế trận vững chắc, giữ vững TTATXH trong tình hình mới. Bên cạnh các biện pháp tuyên truyền, các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội còn trang bị và hướng dẫn cho các em học sinh, sinh viên, đoàn viên, hội viên những kỹ năng sống, trong đó có kỹ năng để phòng ngừa tội phạm khi ở nhà một mình hay đi ngoài đường vắng vẻ các biện pháp để tự bảo vệ bản thân cũng như tài sản của mình trong một số trường hợp cụ thể. Cùng nhau chia sẻ kinh nghiệm hay, đề ra các biện pháp mới sáng tạo hơn, hiệu quả hơn trong công tác phòng ngừa tội phạm nói chung và phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố nói riêng.

Thứ tám, nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, tổng kết, đánh giá, khen thưởng, phê bình, rút kinh nghiệm từ thực tiễn hoạt động phòng ngừa tội phạm. Thông qua hoạt động này giúp cho quần chúng nhân dân loại trừ nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu và cũng để tạo niềm tin, ý thức thực hiện các biện pháp phòng ngừa tội phạm và tố giác tội phạm xâm phạm sở hữu trong quần chúng nhân dân. Đồng thời, cũng nhằm biểu dương các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp có tinh thần, trách nhiệm, ý thức thực hiện tốt các biện pháp đấu tranh phòng ngừa tội phạm để nhân rộng trong quần chúng. Các biện pháp phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu nói chung được đề ra nhưng có thể việc thực hiện trên thực tế lại phát sinh nhiều khó khăn, vướng mắc phát sinh hoặc chưa được thực hiện đến nơi đến chốn, mang tính hình thức hoặc biện pháp đó chưa phù hợp với thực tế tình hình địa phương nên còn bỏ ngỏ... Vì vậy, trong quá trình thực hiện các biện pháp

phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu đã đề ra, các cấp có thẩm quyền luôn phải có kế hoạch kiểm tra, giám sát, tổng kết, đánh giá, phê bình, khen thưởng, rút kinh nghiệm từ những hoạt động trên thực tế ở những thời điểm nhất định để kịp thời điều chỉnh. Có như vậy hoạt động phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh mới thực sự mang lại hiệu quả trên thực tế.

Tóm lại, các biện pháp phòng ngừa tội phạm xâm phạm sở hữu từ khía cạnh nạn nhân là những biện pháp phòng ngừa nằm trong hệ thống các biện pháp phòng ngừa chung của chuyên ngành Tội phạm học phát triển trong những năm gần đây. Nó đòi hỏi sự chủ động và ý thức cảnh giác cao độ của mỗi cá nhân trong quá trình hoạt động luôn gắn với trách nhiệm của các cơ quan có thẩm quyền, các tổ chức, doanh nghiệp và của toàn xã hội trong công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm giúp hạn chế được nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm xâm phạm sở hữu góp phần ổn định xã hội và đem lại sự bình yên cho cuộc sống. Việc đề ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm từ phía nạn nhân của tội phạm này cần phải được chú trọng, quan tâm nhiều hơn nữa và sự phối hợp thống nhất cùng thực hiện của các ngành, các cấp, các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân để công tác này đem lại hiệu quả cao nhất trong thực tiễn.

Tiểu kết chương 3

Để phòng ngừa có hiệu quả với tình hình các tội XPSH trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung hết sức quan trọng đó là nhận thức đúng đắn, đầy đủ các nguyên nhân, điều kiện phát sinh ra nó. Qua kết quả nghiên cứu, có thể khẳng định rằng các tội XPSH trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có thể phòng ngừa được. Việc phòng ngừa các tội này cần vận dụng lý luận về cơ chế hành vi phạm tội và cách ứng xử của nạn nhân đối với từng

tình huống cụ thể xảy ra để đề ra các biện pháp nhằm đẩy lùi, ngăn chặn tội phạm có hiệu quả nhất.

Các giải pháp được tác giả đề cập ở Chương 3 chủ yếu hướng vào việc tác động để lành mạnh hóa các môi trường gia đình, nhà trường và xã hội để hạn chế những yếu tố tiêu cực là nguyên nhân, điều kiện của tình hình các tội XPSH trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng để hoạt động phòng ngừa tội phạm thực sự đem lại hiệu quả thì việc đề ra các giải pháp phòng ngừa tội phạm từ yếu tố nạn nhân nhằm hạn chế nguy cơ làm phát sinh tội phạm xâm phạm sở hữu. Nâng cao ý thức của nạn nhân trong việc tuân thủ pháp luật, có ý thức giữ gìn những giá trị đạo đức truyền thống, tôn trọng nhân phẩm, danh dự của con người. Chỉ ra được vai trò của lực lượng thực thi các biện pháp phòng ngừa tội phạm XPSH không thể chỉ là lực lượng chuyên trách như Công an, Viện kiểm sát, Tòa án... mà còn là sự chung tay góp sức của mỗi cá nhân, gia đình, nhà trường, các tổ chức đoàn thể và của toàn xã hội, trong đó nạn nhân của tội phạm đóng vai trò chủ động trong hoạt động phòng ngừa tội phạm./.

KẾT LUẬN

Tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian qua diễn biến hết sức phức tạp, đặc biệt là tội phạm cướp tài sản, cướp giật tài sản, trộm cắp tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản... hoạt động liều lĩnh, tinh vi, xảo quyệt hòng qua mặt các cơ quan chức năng. Con số nạn nhân của các loại tội phạm này không ngừng tăng lên hàng năm và gây nên những vấn đề nhức nhối cho xã hội trong thời gian vừa qua. Ngoài những nguyên nhân và điều kiện khách quan xuất phát từ phía người phạm tội thì các đặc điểm nhân thân của nạn nhân trong cơ chế hình thành và phát sinh hành vi phạm tội xâm phạm sở hữu là vô cùng quan trọng. Nhận thức được vấn đề này làm cơ sở xây dựng và hoàn thiện các biện pháp phòng ngừa tội phạm một cách có hiệu quả. Thế nhưng trong thời gian qua, lý luận và thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm xâm phạm sở hữu ở Việt Nam nói chung và trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng chưa được khai thác triệt để về khía cạnh nạn nhân của tội phạm nên thường để lại những hạn chế trong nhận thức và thực tiễn phòng ngừa tội phạm có liên quan đến nạn nhân. Các giải pháp chủ yếu hướng vào việc tác động để lành mạnh hóa các môi trường gia đình, nhà trường và xã hội để hạn chế những hiện tượng, quá trình xã hội tiêu cực làm phát sinh nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn mà bỏ qua các giải pháp phòng ngừa từ chính các nạn nhân của tội phạm. Các cơ quan chức năng thông qua hoạt động tuyên truyền, vận động, giáo dục, nâng cao ý thức cảnh giác và phổ biến các biện pháp phòng ngừa bảo vệ tài sản hữu hiệu nhất đến từng cá nhân, tổ chức góp phần ổn định trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Đồng thời qua đó trang bị những phương tiện khoa học kỹ thuật hiện đại, công cụ hỗ trợ, tổ chức huấn luyện kỹ năng tự vệ chiến đấu cho lực lượng trực tiếp đấu tranh với nhóm loại

tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và trên cả nước nói chung.

Để củng cố lý luận và thực tiễn trong việc nghiên cứu nạn nhân của tội phạm trong Tội phạm học ở Việt Nam trong tương lai, tác giả kiến nghị tiếp tục nghiên cứu đặc điểm nạn nhân, yếu tố nạn nhân của một nhóm tội cụ thể hay một loại tội cụ thể gắn với một địa bàn nhất định để tìm ra các điểm đặc trưng của nạn nhân góp phần xây dựng và hoàn thiện các biện pháp phòng ngừa tội phạm thực sự có hiệu quả.

Đây là một lĩnh vực nghiên cứu còn khá mới mẻ ở Việt Nam, nguồn tài liệu tham khảo chưa nhiều, thời gian thực hiện đề tài còn hạn chế cho nên luận văn không tránh khỏi những sai sót và chỉ đạt được những kết quả nghiên cứu bước đầu về một nhóm tội cụ thể trên một địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, từ đó đưa ra các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn trên địa bàn này. Bản thân rất mong nhận được những ý kiến đóng góp từ các nhà nghiên cứu, các học giả, quý thầy cô, các bạn đồng nghiệp và bạn đọc quan tâm để luận văn được hoàn thiện hơn./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo 138 của Chính phủ (1999) *Kế hoạch số 01/BCĐ138/CP triển khai thực hiện Nghị quyết 09/CP ngày 31/7/1998 của Chính phủ và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, ban hành ngày 10/12/1999, Hà Nội.*
2. Bộ Chính trị (2010) *Chỉ thị số 48/CT-TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, ban hành ngày 22/10/2010, Hà Nội.*
3. Bộ Chính trị (2005) *Nghị quyết số 49/NQ-TW về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, ban hành ngày 02/6/2005, Hà Nội.*
4. Bộ Công an (2013) *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam, Học viện CSND, Hà Nội.*
5. Chính phủ (2011) *Nghị định số 80/NĐ-CP quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù, ban hành ngày 16/9/2011, Hà Nội.*
6. Chính phủ (2011) *Quyết định số 282/QĐ-TTg về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, ban hành ngày 24/02/2011, Hà Nội.*
7. Chính phủ (2012) *Quyết định số 1217/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2012 – 2015, ban hành ngày 06/9/2012, Hà Nội.*
8. Chính phủ (2016) *Quyết định số 623/QĐ-TTg về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 – 2025 và định hướng đến năm 2030, ban hành ngày 14/4/2016, Hà Nội.*
9. Công an Thành phố Hồ Chí Minh (2013-2017) *Báo cáo tổng kết năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017.*
10. Dương Tuyết Miên (2010) *Giáo trình Tội phạm học, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.*

11. Đinh Văn Quế (2006) *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự phần các tội phạm*, Tập 1, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, TP.HCM.
12. Quốc hội (2009) *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1999), sửa đổi bổ sung năm 2009*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
13. Quốc hội (2015) *Bộ luật Hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2015*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội .
14. Quốc hội (2003) *Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
15. Quốc hội (2015) *Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 27 tháng 11 năm 2015*, Hà Nội.
16. Quốc hội (2013) *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Nguyễn Mạnh Kháng (2000) *Tội phạm học Việt Nam một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Phần IV, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
18. Phạm Thị Triều Mên (2016) *Nhân thân người phạm tội XPSH từ thực tiễn tỉnh Bình Dương*, Luận văn Thạc sỹ luật học, Học viện Khoa học xã hội.
19. Nguyễn Đình Thanh (2017) *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn tỉnh Bình Dương*, Luận văn Thạc sỹ, Học viện Khoa học xã hội.
20. Trần Thanh Phong (2002) *Nạn nhân trong Luật Hình sự Việt Nam*, Luận văn Thạc sỹ, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.
21. Lê Nguyên Thanh (2002) *Khía cạnh nạn nhân của tội phạm và vấn đề phòng ngừa tội phạm*, Luận văn Thạc sỹ, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.
22. Lê Thế Tiệm và Tập thể tác giả (1994) *Tội phạm ở Việt Nam - Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
23. Phạm Văn Tinh (2007) *Khái niệm tội phạm và tình hình tội phạm dưới góc độ của tội phạm học*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 6, tr. 73-79.

24. Phạm Văn Tinh (2011) *Khoa học pháp lý Việt Nam và yêu cầu nâng cao trình độ lý luận theo tinh thần Nghị quyết XI của Đảng*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 8, tr.14-16, Hà Nội.
25. Phạm Văn Tinh (2007) *Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
26. Phạm Văn Tinh và Nguyễn Văn Cảnh (2013) *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, do Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ Công an ấn hành, Hà Nội.
27. Phạm Văn Tinh (2008) *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay - mô hình lý luận*, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, số 6, tr. 79-84.
28. Trường Đại học Luật Hà Nội (2005) *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
29. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2013-2017) *Bản án hình sự sơ thẩm các tội phạm xâm phạm sở hữu năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017*.
30. Trần Hữu Tráng (2000) *Nạn nhân học trong Tội phạm học Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn Thạc sỹ, Đại học Luật Hà Nội.
31. Trần Hữu Tráng (2011) *Nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm*, Tạp chí Luật học, số 10, tr. 55-63.
32. Trần Hữu Tráng (2011) *Nạn nhân của tội phạm*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
33. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2013-2017) *Báo cáo tổng kết năm 2013, 2014, 2015, 2016, 2017*.
34. Võ Khánh Vinh (2006) *Bình luận Khoa học Bộ luật Tố tụng hình sự*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
35. Võ Khánh Vinh (2002) *Dự báo tình hình tội phạm, một số vấn đề lý luận – thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
36. Võ Khánh Vinh (2009) *Giáo trình tội phạm học*, Trường Đại học Huế, Thừa Thiên Huế.
37. Võ Khánh Vinh (2014) *Luật hình sự Việt Nam (phần chung)*, giáo trình sau đại học, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

38. Võ Khánh Vinh (2014) *Luật hình sự Việt Nam (phần các tội phạm)*, giáo trình sau đại học, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

39. Võ Khánh Vinh (tái bản năm 2011, 2013) *Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

40. Triệu Thị Phương Vân (2012) *Khía cạnh nạn nhân của tội phạm trộm cắp tài sản và vấn đề phòng ngừa tội phạm*, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.

41. Nguyễn Xuân Yêm (2013) *Tội phạm học Việt Nam phần tội phạm đại cương*, Tập 1, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

42. Nguyễn Xuân Yêm (2000) *Dẫn độ tội phạm, tương trợ pháp lý về hình sự và chuyển giao phạm nhân quốc tế trong phòng chống tội phạm*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Bảng 2.1. Thống kê tình hình tội phạm xâm phạm trật tự xã hội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 - 2017

Tội Năm	Giết người	Cướp tài sản	Hiếp dâm	Trộm cắp tài sản	Cưỡng đoạt tài sản	Cố ý gây thương tích	Chống người thi hành công vụ	Cướp giật tài sản	Tội phạm khác	Tổng cộng
2013	139	306	74	3356	48	463	62	1194	576	6218
2014	105	270	52	3545	59	496	59	1136	659	6381
2015	100	236	61	3416	38	497	71	1003	582	6004
2016	93	165	39	2859	53	471	49	888	588	5205
2017	101	151	32	2773	31	444	38	798	441	4809
Tổng cộng	538	1128	258	15949	229	2371	279	5019	2846	28617

Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017

**Bảng 2.2. Thống kê tình hình tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn
thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 - 2017**

Tội Năm	Cướp tài sản	Cưỡng đoạt tài sản	Cướp giật tài sản	Trộm cấp tài sản	Lừa đảo chiếm đoạt tài sản	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản	Tội phạm xâm phạm sở hữu khác	Tổng cộng
2013	3062	48	1194	3356	200	169	32	5305
2014	270	59	1136	3545	226	200	34	5470
2015	236	38	1003	3416	272	126	29	5120
2016	165	53	888	2859	230	176	35	4406
2017	151	31	798	2773	170	93	30	4046
Tổng cộng	1128	229	5019	15949	1098	764	160	24347

Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố
Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017

**Bảng 2.3. Cơ cấu của từng loại tội XPSH trong mối quan hệ với các tội XPSH
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 - 2017**

Tội danh	Số vụ án						Tỷ lệ %
	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Tổng	
Điều 168	306	270	236	165	151	1128	4,63
Điều 169	2	1	4	3	3	13	0,05
Điều 170	48	59	38	53	31	229	0,94
Điều 171	1194	1136	1003	888	798	5019	20,61
Điều 172	0	2	1	15	4	22	0,09
Điều 173	3356	3545	3416	2859	2773	15949	65,50
Điều 174	200	226	272	230	170	1098	4,50
Điều 175	169	200	126	176	93	764	3,13
Điều 176	3	0	0	0	0	3	0,02
Điều 177	0	2	0	0	0	02	0,01
Điều 178	27	29	23	16	22	117	0,48
Điều 179	0	0	0	0	0	0	00
Điều 180	0	0	1	1	1	3	0,02
Tổng	5305	5470	5120	4406	4046	24347	100

Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố
Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.4. Thống kê về giới tính, thành phần xã hội, độ tuổi của các tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 - 2017

Tổng số nạn nhân	Giới tính		Thành phần xã hội				Độ tuổi			
	Nam	Nữ	Cán bộ, Công nhân, viên chức	Học sinh, sinh viên	Dân lao động	Thành phần khác	Từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi	Từ đủ 30 tuổi đến dưới 50 tuổi	Trên 50 tuổi
124	45	79	20	54	47	03	22	24	48	30
100%	36,29	63,71	16,13	43,54	37,90	2,43	17,74	19,35	38,71	24,20

Nguồn: Qua nghiên cứu 100 hồ sơ vụ án các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.5. Thống kê về thành phần tài sản bị chiếm đoạt trong các vụ xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 - 2017

Tài sản bị chiếm đoạt	Tiền mặt (VNĐ)	Tiền mặt ngoại tệ (USD)	Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý (VNĐ)	Điện thoại di động, máy tính bảng (cái)	Xe ô tô, xe gắn máy (chiếc)	Đồ dùng gia đình (tivi, tủ lạnh, quạt máy...) (VNĐ)	Tài sản có giá trị khác (VNĐ)
Số lượng	700 tỷ	0,9 triệu	1600 tỷ	6080	4006	3299 triệu	509779 tỷ

Nguồn: Báo cáo tổng kết năm của Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.6. Bảng so sánh mối quan hệ giữa nạn nhân và người phạm tội của một số tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 – 2017

Tội phạm Mối quan hệ	Cướp tài sản (100 vụ)	Cưỡng đoạt tài sản (100 vụ)	Cướp giết tài sản (100 vụ)	Trộm cắp tài sản (100 vụ)	Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản (100 vụ)
Quan hệ gia đình, họ hàng	00%	00%	00%	03%	43%
Quan hệ quen biết (hàng xóm, đồng nghiệp..)	00%	40%	02%	11%	57%
Ít quen biết hoặc hoàn toàn xa lạ	100%	60%	98%	86%	00%

Nguồn: *Qua nghiên cứu 500 hồ sơ vụ án về 05 tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017*

Bảng 2.7. Thống kê nguyên nhân xuất phát từ phía nạn nhân trong các vụ án xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 - 2017

Nguyên nhân từ phía nạn nhân	Số vụ	Tỷ lệ
Không gửi phương tiện giao thông tại các địa điểm trông giữ	10	10%
Không khóa cửa nhà	06	06%
Không khóa các phương tiện giao thông cẩn thận	08	08%
Vận chuyển nhiều tiền vàng bằng xe máy mà không có người bảo vệ	04	04%
Vừa tham gia giao thông vừa sử dụng điện thoại di động	24	24%
Phụ nữ, trẻ em mang theo tài sản đi một mình nơi vắng vẻ	08	08%
Phụ nữ đeo nhiều trang sức (dây chuyền) khi đi ngoài đường	12	12%
Phụ nữ, trẻ em mang theo tài sản đi một mình nơi vắng vẻ	06	06%
Trẻ em đeo đồ trang sức, sử dụng phương tiện đắt tiền (xe đạp điện, điện thoại di động...)	04	04%
Nguyên nhân khác	22	22%
Tổng cộng	100	100%

Nguồn: Qua nghiên cứu 100 hồ sơ vụ án các tội xâm phạm sở hữu có nguyên nhân xuất phát từ phía nạn nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013-2017

Bảng 2.8. Thống kê đặc điểm thể chất, tinh thần của nạn nhân của các tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 – 2017

Đặc điểm thể chất, tinh thần của nạn nhân	Số vụ	Tỷ lệ
Nạn nhân có sức khỏe bình thường, tinh thần minh mẫn	67	67%
Nạn nhân bị bệnh	12	12%
Nạn nhân bị thương tật, dị tật,..	08	08%
Nạn nhân có nhược điểm về thể chất tinh thần	13	13%
Tổng	100	100%

Nguồn: Qua nghiên cứu 100 hồ sơ vụ án các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.9. Thống kê đặc điểm tâm lý của nạn nhân trong các tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 - 2017

Đặc điểm tâm lý của nạn nhân	Số vụ	Tỷ lệ
Nạn nhân là người chủ quan, thiếu cảnh giác	10	10%
Nạn nhân là người nhẹ dạ, cả tin	04	04%
Nạn nhân là người mê tín dị đoan	03	03%
Nạn nhân không tố giác tội phạm	08	08%
Đặc điểm khác	75	75%
Tổng	100	100%

Nguồn: Qua nghiên cứu 100 hồ sơ vụ án các tội xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017

Bảng 2.10. Thống kê các khía cạnh nạn nhân là tổ chức trong các tội phạm xâm phạm sở hữu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 - 2017

Khía cạnh nạn nhân là tổ chức	Số vụ	Tỷ lệ
Sự yếu kém về chuyên môn nghiệp vụ của người đại diện tổ chức trong quá trình hoạt động	10	20%
Sự buông lỏng công tác quản lý cán bộ, quản lý con người của tổ chức	04	08%
Sự yếu kém trong cách quản lý, bảo vệ tài sản của tổ chức	33	66%
Đặc điểm khác	03	06%
Tổng	50	100%

Nguồn: Qua nghiên cứu 50 hồ sơ vụ án các tội xâm phạm sở hữu đối với các tổ chức trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017